



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2021



DSO

SECURITIES

Together for success





MỤC LỤC

- 1. TỔNG QUAN**
- 2. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**
- 3. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**
- 4. QUẢN TRỊ DOANG NGHIỆP**
- 5. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
- 6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



TỔNG QUAN

Thông tin chung

Tâm nhìn - Sứ mệnh

Giá trị cốt lõi

Ngành nghề kinh doanh

Mô hình quản trị - Bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (UPCOM: DSC) được thành lập từ tháng 06/2006, hiện có trụ sở tại Hà Nội và mức vốn điều lệ là 1000 tỷ đồng. Sở hữu đội ngũ hơn 100 nhân sự giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư, DSC đã và đang tiếp tục mở rộng quy mô mạng lưới chi nhánh giao dịch và hoạt động kinh doanh trên toàn quốc. DSC hướng tới cung cấp cho khách hàng những trải nghiệm và sản phẩm dịch vụ chất lượng, toàn diện, tối ưu hóa lợi ích khách hàng.

THÔNG TIN CHUNG

Tên doanh nghiệp	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
Tên tiếng Anh	DSC Securities Joint Stock Company
Mã số doanh nghiệp	0400554813
Mã chứng khoán (UPCOM)	DSC
Vốn điều lệ (tại 31/12/2021)	1.000.000.000.000 đồng
Vốn chủ sở hữu (tại 31/12/2021)	1.032.040.805.510 đồng
Trụ sở chính	Tầng 2, Tòa nhà Thành Công, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội
Website	https://www.dsc.com.vn/
Điện thoại	+84 24 3880 3456 (Khu vực Miền Bắc – Hà Nội) +84 236 3888 588 (Khu vực Miền Trung – Đà Nẵng)
Fax	+84 24 37832189



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Công ty chứng khoán **đầu tiên** tại **Miền Trung Việt Nam** được UBCK cấp Giấy phép hoạt động.

2006

Thành lập **CTCP Chứng khoán Đà Nẵng** (viết tắt: DNSC)
Vốn điều lệ: **22 tỷ đồng**
Trụ sở chính: **Hải Châu, Đà Nẵng**

2007

DNSC được công nhận tư cách thành viên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM) và Trung tâm Giao dịch Chứng

2008

Tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng

2012

Tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng



Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch trên sàn UPCOM
Mã chứng khoán **DSC**.

2018



2021

- Đổi tên thành **Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC**
- Tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng
- Chuyển Trụ sở chính tại Hà Nội
- Bổ sung ngành nghề: Tự doanh



TẦM NHÌN

Trở thành một thương hiệu mạnh, uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thành công của DSC được tạo dựng từ niềm tin của khách hàng, cổ đông, đối tác và cộng đồng. DSC cam kết bằng trách nhiệm cao nhất của mình luôn đồng hành, hỗ trợ để cùng khách hàng hướng tới thành công.

SỨ MỆNH

Mang lại sự thành công và thịnh vượng cho khách hàng. Với phương châm “Đồng hành cùng Thành công”, DSC mong muốn mang đến những tư vấn chuyên sâu, các giải pháp tài chính hiệu quả, cơ hội đầu tư đa dạng nhằm tối đa hóa lợi ích của khách hàng.

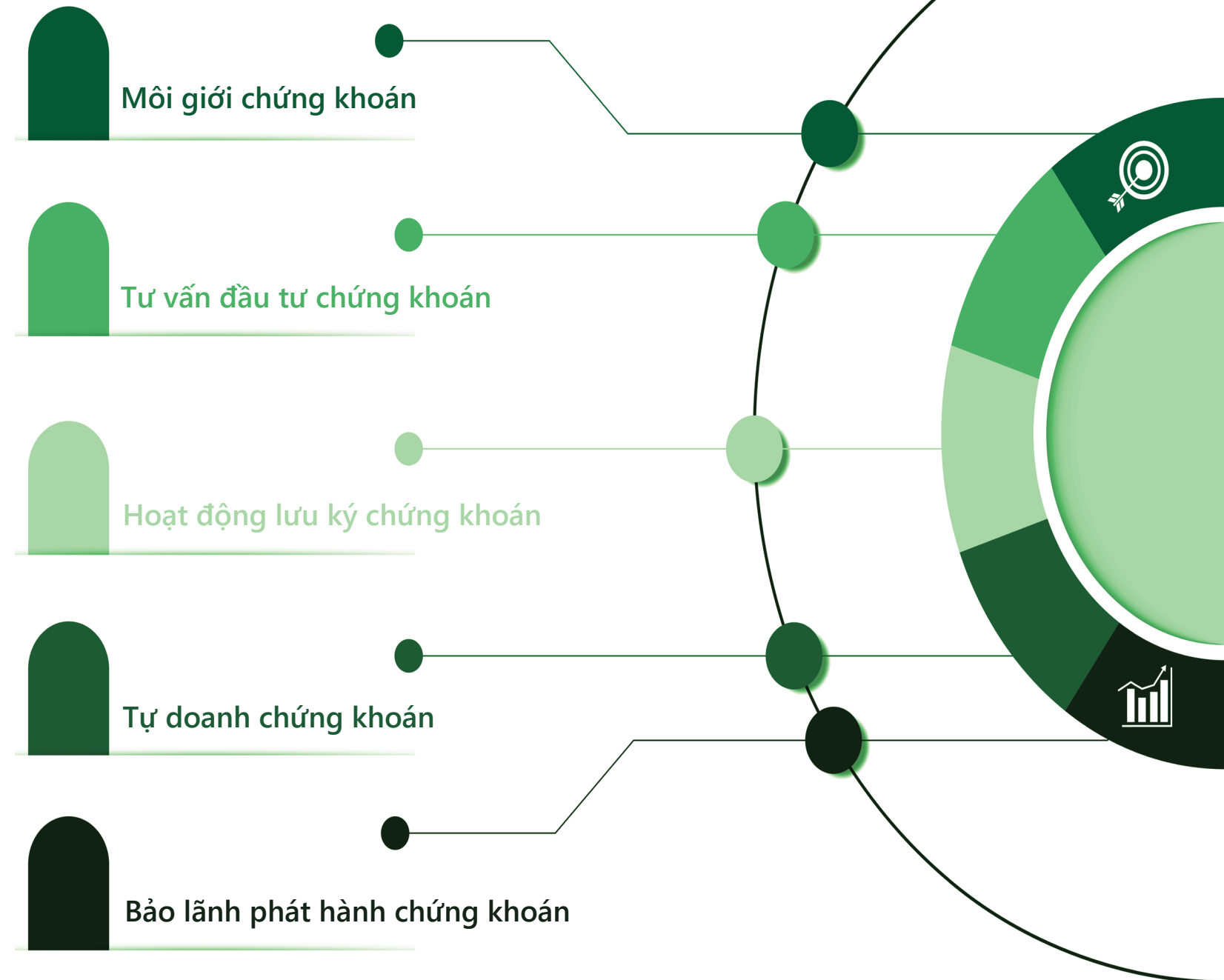
Chúng tôi luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu, lợi ích của khách hàng là lợi ích của chúng tôi. Với đội ngũ CBNV trẻ, chúng tôi tự tin trong việc thích ứng với xu hướng thị trường mới nhất và đầu tư, cung cấp nền tảng công nghệ hiện đại để nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Tại DSC, chúng tôi luôn khuyến khích và hỗ trợ khả năng sáng tạo để phát triển đội ngũ vì quyền lợi của DSC và khách hàng. Từng bước đóng góp, xây dựng thị trường vốn minh bạch để đồng hành cùng sự phát

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- D** – DILIGENT Tận tụy
- S** – SWIFT Nhanh chóng
- C** – CREDIBLE Đáng tin cậy

“ĐỒNG HÀNH CÙNG THÀNH CÔNG”

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC - BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một (01) lần hoặc họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định Pháp Luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp Luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình; Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **NGUYỄN ĐỨC ANH** - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	1995
Số cổ phần sở hữu	1.499.900 CP chiếm 1,499% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện	Công ty Cổ phần Đầu tư NTP - 70.000.000 CP chiếm 70% VDL
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD – Công ty Cổ phần Đầu tư NTP

Bà **NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ** - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1984
Số cổ phần sở hữu	0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện	0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không

Ông **VŨ NHẬT LÂM** - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1974
Số cổ phần sở hữu	0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện	0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không

Bà **NGUYỄN THỊ THU HÀ** - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1986
Số cổ phần sở hữu	1.499.900 CP chiếm 1,499% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện	Không
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT - Bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ

Bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng của Công ty, có chức năng thực hiện dựa trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ bao gồm: Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách Pháp Luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ; Đánh giá việc tuân thủ các quy định Pháp Luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty; Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con,...

THAY ĐỔI NHÂN SỰ CỦA HĐQT TRONG NĂM

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Nguyễn Phú Đông Hà	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/01/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2021)
Lê Văn Trung	TV HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/01/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2021)
Văn Bá Hưng	TV HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/01/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2021)
Nguyễn Ngọc Quang	TV HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/01/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2021)
Nguyễn Vũ Thành	TV HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/01/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2021)
Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/01/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2021)
Nguyễn Thị Bích Hà	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/01/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2021)
Nguyễn Thị Thu Hà	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/01/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2021)
Vũ Nhật Lâm	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26/07/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 26/07/2021)
Vũ Hồng Sơn	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26/07/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 26/07/2021)
		Miễn nhiệm ngày 01/12/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 01/12/2021)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà **NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ** - Tổng Giám đốc

Thông tin đã được đề cập tại mục Hội đồng quản trị.

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung như: Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp Luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty; Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp; Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng; Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

Bộ phận (Ban) Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc có chức năng: Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty; Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty; Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.

THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG NĂM

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Nguyễn Vũ Thành	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/02/2021 (Theo NQ HDQT số 05/2021/NQ-HDQT/DSC ngày 25/02/2021)
Nguyễn Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/02/2021 (Theo NQ HDQT số 05/2021/NQ-HDQT/DSC ngày 25/02/2021)
Vũ Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/06/2021 (Theo NQ HDQT số 11/2021/NQ- HDQT /DSC ngày 24/06/2021) Miễn nhiệm ngày 28/10/2021 (Theo NQ HDQT số 24/2021/NQ-HDQT/DSC ngày 28/10/2021)

BAN KIỂM SOÁT

Bà **NGUYỄN THỊ HIỀN NGỌC** - Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	1969
Số cổ phần sở hữu	0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện	0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Kế toán trưởng - Công ty Cổ Phần Tập đoàn Thành Công Kế toán trưởng kiêm Trưởng Văn phòng Đại diện - Công ty Cổ Phần Tập đoàn Thành Công tại Hà Nội; Giám đốc Ban tài chính kế toán/ Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần sản xuất ô tô Hyundai Thành Công

Bà **LÊ THỊ LIÊN**

- Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1987
Số cổ phần sở hữu	0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện	0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chuyên viên Kế toán - Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thành Công

Bà **BÙI THỊ NGỌC LY**

- Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1988
Số cổ phần sở hữu	0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện	0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chuyên viên Kế toán - Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thành Công

THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG NĂM

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Nguyễn Ngọc Mân	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 05/03/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ- ĐHĐCĐ /DSC ngày 05/03/2021)
Giáp Hạnh Phương	TV BKS	Miễn nhiệm ngày 05/03/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ- ĐHĐCĐ /DSC ngày 05/03/2021)
Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 05/03/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ- ĐHĐCĐ /DSC ngày 05/03/2021)
Lê Thị Liên	TV BKS	Bổ nhiệm ngày 05/03/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ- ĐHĐCĐ /DSC ngày 05/03/2021)
Bùi Thị Ngọc Ly	TV BKS	Bổ nhiệm ngày 05/03/2021 (Theo NQ ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ- ĐHĐCĐ /DSC ngày 05/03/2021)

DSC

SECURITIES



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán
Báo cáo kết quả hoạt động



TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ

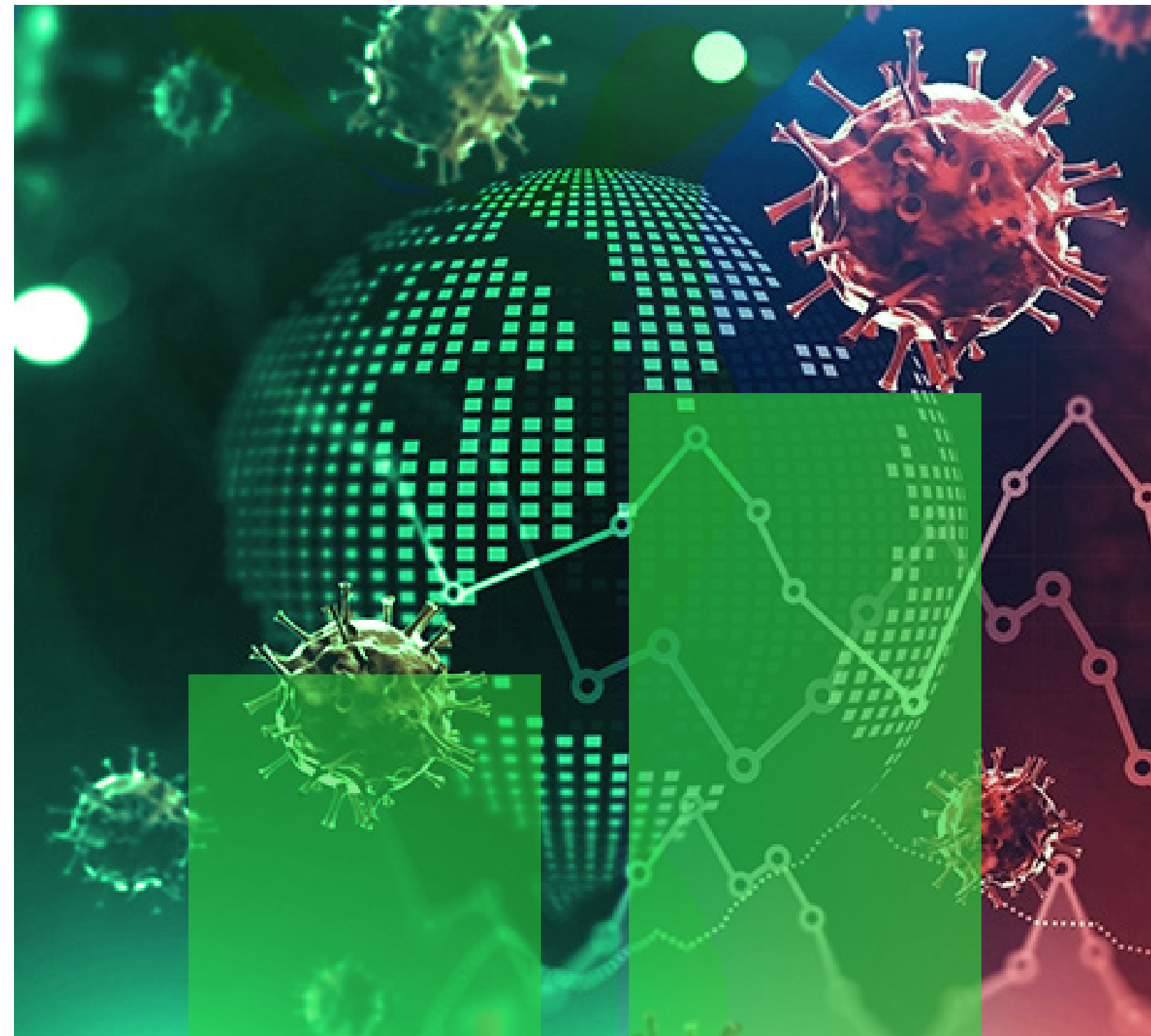
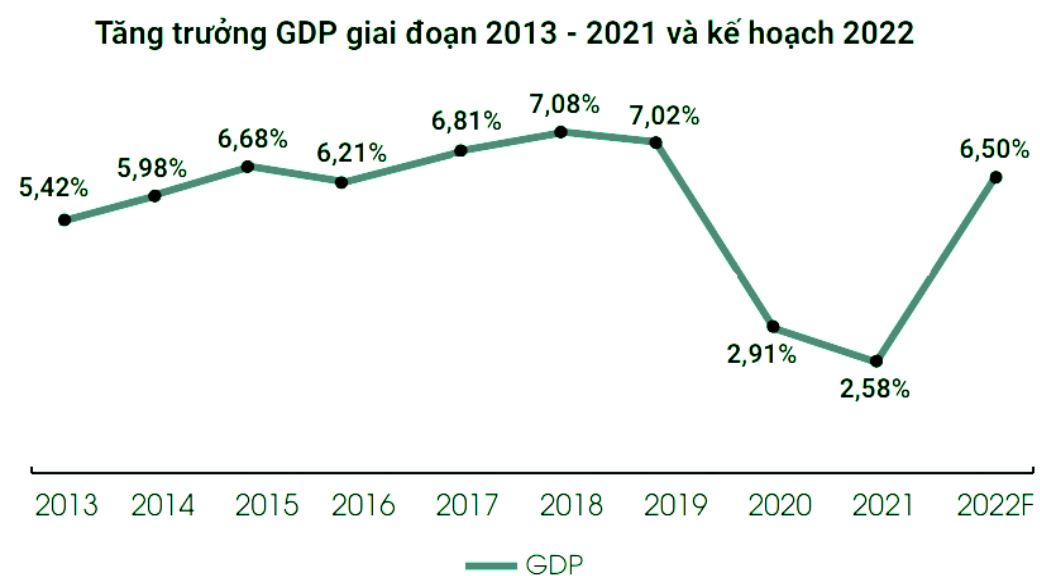
Kinh tế Việt Nam năm 2021 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi khi thế giới và Việt Nam đều đẩy mạnh chương trình tiêm chủng vaccine phòng chống dịch Covid-19. Tuy nhiên, sự xuất hiện các biến chủng mới khiến quá trình phục hồi kinh tế có dấu hiệu chậm lại.

Làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng Tư với biến chủng mới khiến nhiều địa phương phải thực hiện Chỉ thị 15 và Chỉ thị 16 về giãn cách xã hội, đặc biệt tại các địa phương kinh tế trọng điểm như Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ... khiến nền kinh tế nước ta bị ngưng trệ trong suốt nửa cuối quý 2 và trong cả quý 3. GDP quý 3 giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay.

Các chính sách hỗ trợ của Chính phủ dành cho doanh nghiệp và nền kinh tế được tiếp tục duy trì. Nổi bật nhất là việc Ngân hàng Nhà nước giữ nguyên các mức lãi suất thấp đã áp dụng từ năm 2020, với lãi suất cho vay bình quân đối với các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ là 4,4%/năm. Về chính sách tiền tệ, Đầu tư công tiếp tục được chú trọng đẩy mạnh, đặc biệt gói kích thích kinh tế 350.000 tỷ đồng được đề xuất vào cuối năm 2021 và mới thông qua vào đầu năm 2022 sẽ tiếp tục tạo động lực hồi phục trở lại cho nền kinh tế.

Mặc dù trải qua thời gian giãn cách kéo dài, GDP trong nước tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng dương. Cụ thể, GDP năm 2021 tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước. Tuy mức tăng trưởng này thấp hơn nhiều so với mục tiêu của Chính phủ nhưng đây là một thành công lớn của nước ta trong bối cảnh cả nước trải qua thời gian giãn cách kéo dài. Năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016 và đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Tính chung cả năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 19%; nhập khẩu tăng 26,5%.



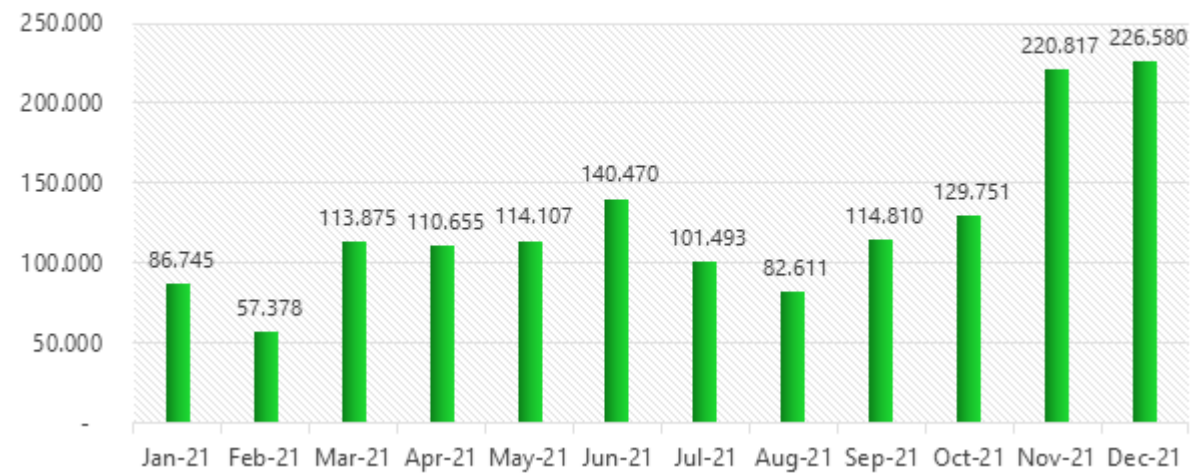
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam tiếp tục có một năm 2021 thành công ngoài mong đợi. Quy mô thị trường cổ phiếu đã tăng mạnh, đạt 122,2% GDP vào tháng 11/2021 (tính theo GDP năm 2020).

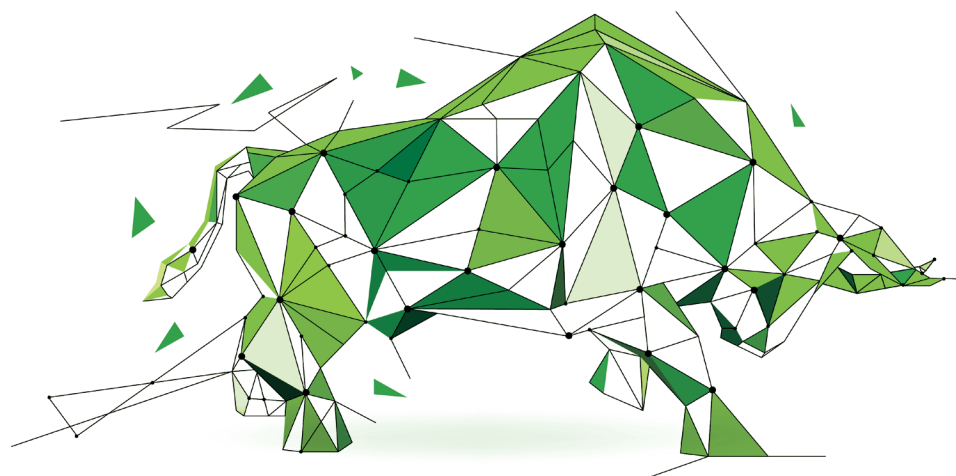
Chỉ số VNINDEX tăng 31%, vượt đỉnh lịch sử 1,200 và đã đạt mốc lịch sử 1,500 trong năm 2021. Chỉ số VN30 tăng 43% và đạt đỉnh lịch sử 1.580 trong năm 2021.

Năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến làn sóng nhà đầu tư mới gia nhập thị trường lớn chưa từng có. Đây là nhóm tạo động lực chính cho sự tăng trưởng của TTCK Việt Nam 2021. Số lượng tài khoản mở mới đạt các mốc lịch sử mới. Năm 2021, Việt Nam có hơn 4.3 triệu tài khoản giao dịch chứng khoán. Số tài khoản mở mới đạt hơn 1.5 triệu tài khoản, tăng 56% so với năm 2020.

Số tài khoản mở mới năm 2021

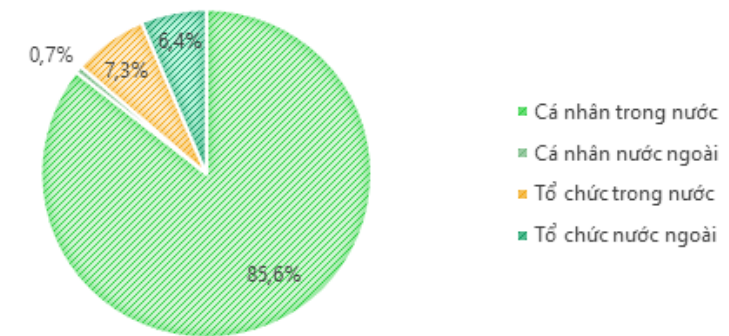


Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

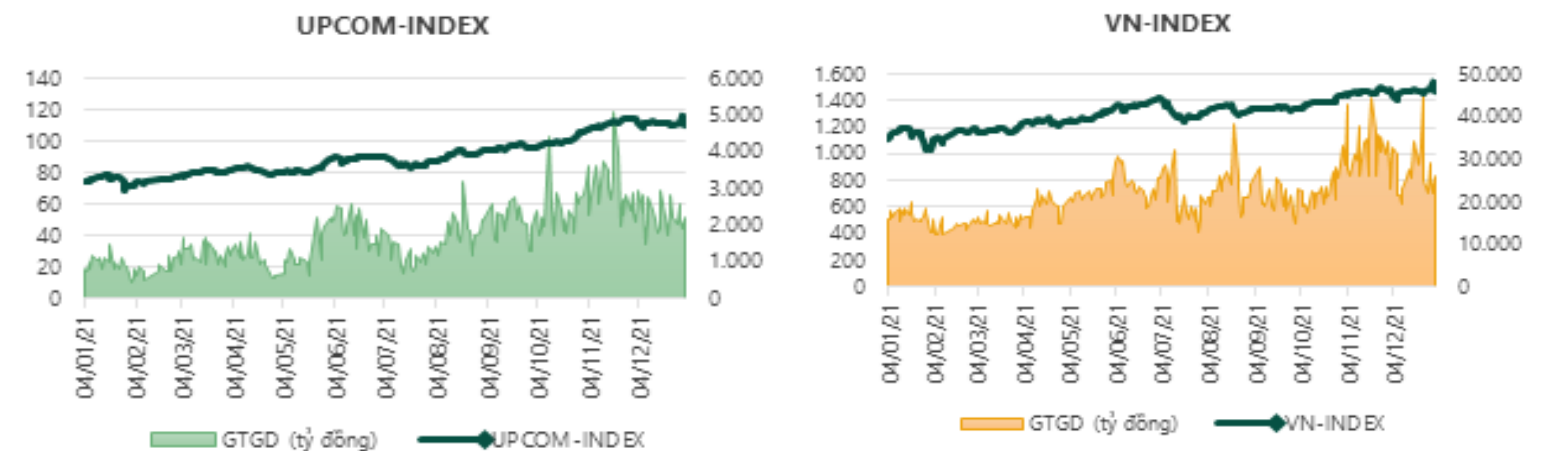


Nhóm nhà đầu tư cá nhân đóng góp chính cho thanh khoản của thị trường với 86% giá trị giao dịch trong năm 2021. Ở chiều ngược lại, tính chung cho cả năm 2021, tỉ lệ giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chỉ còn 7% tổng giá trị giao dịch, thấp hơn nhiều so với mức 11.3% của năm 2020 và 14-16% của những năm trước đó. Nhà đầu tư nước ngoài liên tục bán ròng với giá trị bán ròng xấp xỉ 2.6 tỷ USD.

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (MUA + BÁN)



Thị trường chứng khoán Việt Nam (cổ phiếu) ghi nhận những phiên giao dịch với thanh khoản kỷ lục mới. Những phiên giao dịch tỷ đô thường xuyên xuất hiện. Vào tháng 11 thậm chí thị trường đã có một phiên giao dịch với thanh khoản kỷ lục, đạt 52 ngàn tỷ (tương ứng 2.5 tỷ USD) trên cả 3 sàn (HoSE, HNX, UpCOM).



Nguồn: FiinPro

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính
Kết quả kinh doanh
Tình hình hoạt động



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU TÀI SẢN

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2021	2020	THAY ĐỔI
Tài sản ngắn hạn	Triệu VNĐ	1.799.933	49.255	3.554%
Tài sản dài hạn	Triệu VNĐ	9.352	19.545	-52%
Tổng tài sản	Triệu VNĐ	1.809.285	68.800	2.530%
Nợ phải trả ngắn hạn	Triệu VNĐ	773.885	1.612	4.7917%
Nợ phải trả dài hạn	Triệu VNĐ	3.360	0	100%
Nợ phải trả	Triệu VNĐ	777.245	1.612	48.125%
Vốn chủ sở hữu	Triệu VNĐ	1.032.040	67.188	1.436%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TỔNG TÀI SẢN THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM 2021

CHỈ TIÊU TÀI SẢN	TỈ TRỌNG TRONG CƠ CẤU TÀI SẢN
Tiền và tương đương tiền	0,38%
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	15,47%
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	63,56%
Các khoản cho vay	18,89%
Các khoản phải thu (đã dự phòng suy giảm giá trị)	1,14%
Tài sản ngắn hạn khác	0,04%
Tài sản cố định	0,03%
Tài sản dài hạn khác	0,49%

Tổng tài sản của DSC tăng trưởng hơn 25 lần đạt trên 1,809 tỷ VNĐ tại ngày 31/12/2021 nhờ vào hoạt động tăng vốn mạnh mẽ trong năm, lên hơn 1,000 tỷ VNĐ. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm hầu hết (99.5%) tổng tài sản, chủ yếu nằm ở tài sản tài chính.

Cụ thể, lượng vốn mới huy động hiện đang được sử dụng dưới dạng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM 1,150 tỷ VNĐ, chiếm 63.5% tổng tài sản), các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL 280 tỷ VNĐ, chiếm 15.4% tổng tài sản) và Các khoản cho vay (342 tỷ VNĐ, chiếm 19% tổng tài sản). Đặc biệt, đa số các khoản đầu tư kể trên là chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, vốn là những tài sản rất an toàn, có độ thanh khoản cao được DSC lựa chọn để sẵn sàng nguồn lực cho giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ trong thời gian sắp tới, nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh và dự án mới trong năm 2022.

Hoạt động cho vay ký quỹ cũng gia tăng tích cực từ cuối năm 2021, đặc biệt trong quý 4. Dư nợ cho vay margin tại thời điểm 31/12/2021 tăng hơn 38 lần so với đầu năm, đạt 342 tỷ VNĐ - đây là một dấu mốc đầu tiên cho sự phát triển của DSC ở một mảng kinh doanh tương đối mới khi trước đó vào năm 2020 chỉ đạt con số dưới 9 tỷ VNĐ. Sự tăng trưởng mạnh mẽ cũng có được nhờ những chương trình cho vay kích thích giao dịch của DSC, được nhà đầu tư tổ chức và cá nhân đánh giá cao. Trong điều kiện tăng trưởng nợ margin toàn thị trường diễn ra mạnh mẽ, DSC vẫn duy trì được chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ, dự báo sớm và xử lý kịp thời những thời điểm thị trường dao động mạnh ảnh hưởng tới khách hàng. Năm 2021 tiếp tục là một năm không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn như các năm trước, hoạt động cho vay được thúc đẩy với các chính sách cho vay linh hoạt, đáp ứng mọi nhu cầu vốn giao dịch của khách hàng.

Sau khi tăng vốn và tài cấu trúc thành công, cơ cấu nguồn vốn của DSC hiện nay chủ yếu bao gồm Vốn chủ sở hữu và nợ vay ngắn hạn. Công ty chưa có các nguồn huy động từ trái phiếu mà chủ yếu là vay ngân hàng với lãi suất tương đối thấp, do đó có thể thấy rằng DSC còn rất nhiều dư địa để huy động vốn đặc biệt là tư kênh trái phiếu và cổ phiếu.

Nợ vay tại thời điểm 31/12/2021 là hơn 761 tỷ VNĐ, đây là năm đầu tiên DSC đi vay nợ, tuy nhiên dù nguồn vốn vay tăng mạnh nhưng DSC vẫn tiếp tục đảm bảo thanh khoản ở mức cao, không phát sinh sự cố rủi ro nào và không để phát sinh chậm nợ vs ngân hàng. Hình thức vay cũng đa dạng hóa, linh hoạt tối đa. Việc cân đối kỳ hạn các khoản vay khác nhau luôn đảm bảo có lợi nhất về lãi suất trên cơ sở dự đoán đúng xu hướng biến động của thị trường. Việc cân đối kỳ hạn giữ các nguồn vay và tài sản cũng được tối ưu hóa không chỉ về thanh khoản mà cả lãi suất.

KẾT QUẢ KINH DOANH

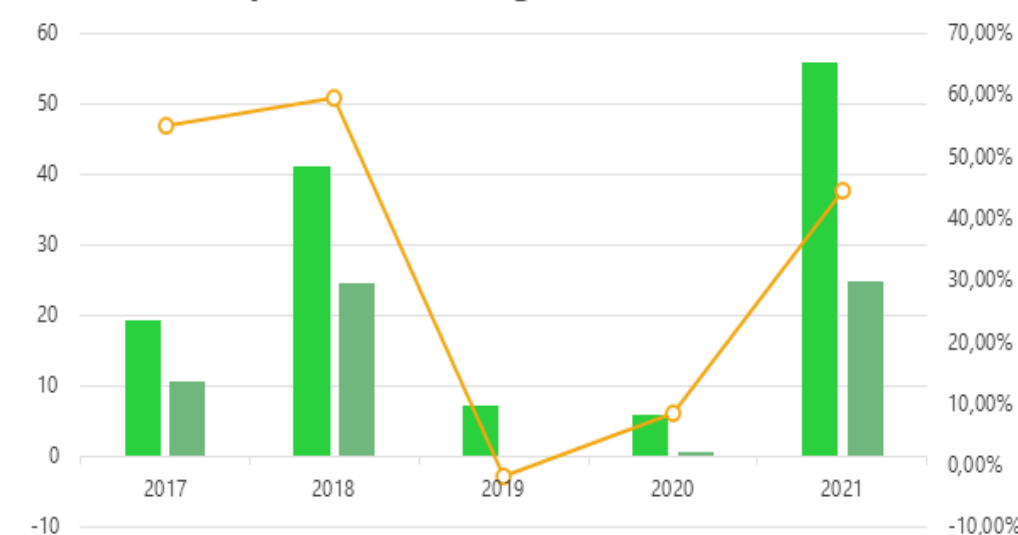
CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2021	2020	THAY ĐỔI
Doanh thu hoạt động	Triệu VNĐ	55.752	5.776	865%
<i>Trong đó:</i>				
<i>Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</i>	Triệu VNĐ	20.592	0	100%
<i>Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)</i>	Triệu VNĐ	21.487	629	3.314%
<i>Lãi từ các khoản cho vay và phải thu</i>	Triệu VNĐ	6.177	315	1.864%
<i>Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)</i>	Triệu VNĐ	0	0	-32%
<i>Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán</i>	Triệu VNĐ	7.073	3.061	131%
<i>Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán</i>	Triệu VNĐ	0	1.500	-100%
<i>Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán</i>	Triệu VNĐ	224	257	-13%
<i>Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính</i>	Triệu VNĐ	200	15	1.275%
Chi phí hoạt động	Triệu VNĐ	7.916	2.656	198%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu VNĐ	47.837	3.120	1.433%
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	390	395	-1%
Chi phí hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	5.019	7	76.866%
Chi phí quản lý	Triệu VNĐ	12.027	2.936	310%
Thu nhập khác	Triệu VNĐ	-7	2	-478%
Tổng LN kế toán trước thuế	Triệu VNĐ	31.174	574	5.328%
Chi phí thuế TNDN	Triệu VNĐ	6.322	80	7.764%
LN kế toán sau thuế	Triệu VNĐ	24.852	494	4.932%

MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2021	HOÀN THÀNH
Doanh thu hoạt động	Triệu VNĐ	55.752	41.000	136%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	24.852	8.000	311%

Trải qua hơn 20 năm thăng trầm và chứng kiến những biến động của TTCK, DSC kiên định đi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thuộc các mảng kinh doanh chính bao gồm Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức (môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư), Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (tư vấn tài chính cho khách hàng doanh nghiệp), Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, nhằm cung cấp cho Khách hàng trọn gói dịch vụ, giúp cho Khách hàng có thể tối ưu hóa vốn đầu tư và linh hoạt kinh doanh. Công ty tiếp tục dành nhiều nguồn lực nghiên cứu, phát triển đa dạng các sản phẩm để cung cấp tới nhà đầu tư, xây dựng và cải tiến hệ thống công nghệ thông tin song song với nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm sẵn sàng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của Khách hàng trong thời kỳ mới.

Kết quả kinh doanh giai đoạn 2017 - 2021



Năm 2021 được coi là năm bản lề của DSC khi doanh nghiệp tiến hành tái cấu trúc toàn bộ hệ thống của công ty và tăng vốn lên 1.000 tỷ VNĐ, chính vì lý do đó đã ảnh hưởng mạnh tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cùng một lúc đội ngũ ban lãnh đạo và nhân viên công ty phải thực hiện rất nhiều nghiệp vụ nhằm mục tiêu tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp.

Kết thúc năm 2021, DSC đã xuất sắc hoàn thành kế hoạch đặt ra khi doanh thu hoạt động đạt 55,7 tỷ VNĐ, tăng 8,7 lần so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt con số ấn tượng gần 25 tỷ VNĐ, tăng hơn 49 lần (vượt 36% kế hoạch năm với doanh thu và vượt 211% với lợi nhuận). Trong đó, lãi ghi nhận từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) và các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn mang lại doanh thu chính khi chiếm lần lượt 37% và 39% cơ cấu doanh thu hoạt động. Nghiệp vụ môi giới chứng khoán cũng khởi sắc hơn khi tệp khách hàng của DSC tăng mạnh sau giai đoạn tái cấu trúc, cải thiện 131% so với cùng kỳ, đóng góp 12,7% vào doanh thu hoạt động của DSC.

Về chi phí, dù có nhiều khoản mục phát sinh trong quá trình tái cấu trúc, DSC đã áp dụng hiệu quả các phương án tiết kiệm chi phí, góp phần cải thiện biên lợi nhuận cho cổ đông. Theo đó, tỉ trọng chi phí hoạt động chỉ chiếm còn 14,2% tổng doanh thu hoạt động, đồng thời chi phí quản lý doanh nghiệp giảm tỉ trọng còn 21,6% tổng doanh thu hoạt động, mang lại biên lợi nhuận tốt hơn so với mức tỉ trọng 46% và 53% của chi phí hoạt động và chi phí quản lý của năm 2020.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

CHỈ SỐ	ĐƠN VỊ	2021	2020
Chỉ số về cổ phiếu			
P/E	Lần	90,9	97,2
P/B	Lần	2,2	0,7
EPS cơ bản	VNĐ	249	82
Giá trị sổ sách / CP	VNĐ	10,320	11,198
Chỉ số về khả năng sinh lời			
Tỷ lệ LN từ HĐKD / Doanh thu hoạt động	%	85,8%	54,0%
Tỷ lệ LN trước thuế / Doanh thu hoạt động	%	55,9%	9,9%
Tỷ lệ LN sau thuế / Doanh thu hoạt động	%	44,6%	8,6%
Tỷ suất ROAE	%	4,5%	0,7%
Tỷ suất ROAA	%	2,6%	0,7%
Chỉ số về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	2,33	30,56
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,33	36,55
Chỉ số về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	Lần	0,43	0,02
Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH	Lần	0,75	0,02
Hệ số Nợ vay / Tổng tài sản	Lần	0,42	0,00
Hệ số Nợ vay / Vốn CSH	Lần	0,74	0,00

- Xét tới các chỉ số tài chính quan trọng, các chỉ số về khả năng thanh toán vẫn được duy trì ở mức lớn hơn 1, dù đã giảm mạnh so với năm 2020. Mức chỉ số tương đương 2,3 lần cho thấy DSC đã sử dụng nguồn lực ngắn hạn 1 cách triệt để hơn so với cùng kì năm trước, đồng thời vẫn giữ vững khả năng thanh khoản tốt, sẵn sàng tiếp cận những cơ hội đầu tư ngắn hạn cũng như chi trả các chi phí tài chính cần thiết khi đến hạn;
- Tỉ lệ công nợ ở mức vừa phải trong năm 2021, với hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản chỉ ở mức 0,43 lần và Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH chỉ ở mức 0,75 lần; Mức nợ vay tăng mạnh, song áp lực trả nợ của DSC là không lớn do khả năng thanh toán ổn định với lượng tài sản ngắn hạn, thanh khoản cao dồi dào.
- Khả năng sinh lời cải thiện tích cực sau khi tái cấu trúc với chi phí được kiểm soát chặt chẽ, do đó hầu hết các mức tỷ lệ về lợi nhuận đều tăng lên mức 2 chữ số. Đáng kể, tỷ suất ROAE và ROAA đều cải thiện từ mức rất thấp (0,7% năm 2020) lên đến lần lượt 4,5% và 2,6% trong năm 2021. Với việc hệ thống giao dịch mới sẽ đi vào hoạt động năm 2022 cùng với các chính sách, các gói sản phẩm mới sắp ra mắt, nhiều tín hiệu tích cực cho thấy các chỉ số này sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong các năm sau đó.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

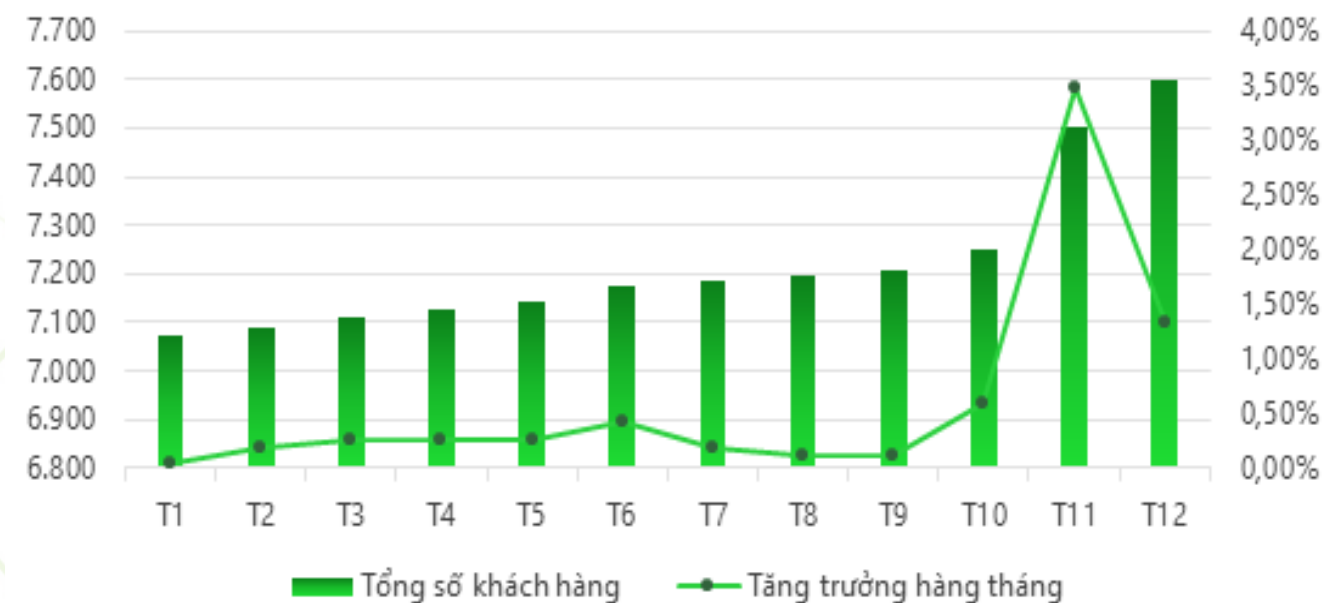
Năm 2021, Chúng tôi đã và đang số hóa nền tảng giao dịch và các quy trình dịch vụ khách hàng nhằm phục vụ tốt hơn các phân khúc khách hàng với chiến lược phí giao dịch, lãi vay tối ưu. Năm 2021 đánh dấu quá trình tái cấu trúc thành công và đã đạt được những thành tựu nhất định. Cùng với bối cảnh thị trường chứng khoán hoạt động sôi nổi, giá trị giao dịch 2021 tại Công ty đạt 4.343.988.220.600 đồng tăng 166% so với cùng kỳ.

Đặc biệt tháng 11/2021, Chúng tôi ra mắt nền tảng công nghệ dịch vụ mới eKYC, cùng với sự tin tưởng của khách hàng, số lượng tài khoản mở mới tại Công ty trong tháng 11 đã tăng đột biến. Kết thúc năm 2021 tổng số tài khoản tại Công ty đã lên tới con số 7600 Tài khoản.

Tổng số tài khoản đến ngày 31/12/2021

Loại khách hàng	Đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ	
		Tăng	Giảm		
Trong nước	Cá nhân	7,035	567	39	7,563
	Tổ chức	26	1	1	26
Nước ngoài	Cá nhân	11	-	-	11
	Tổ chức	-	-	-	-
Tổng cộng	7,072	568	40	7,600	

Tăng trưởng số lượng tài khoản



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Năm 2021 tiếp tục là một năm thăng hoa của thị trường chứng khoán Việt Nam, và cũng là một năm chuyển mình mạnh mẽ đối với DSC, nhằm tìm kiếm những cơ hội mới, giải pháp mới trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trở nên phức tạp hơn.

Hoạt động chuyển đổi hệ thống tổ chức, hệ thống vận hành và quản lý, tăng vốn mạnh tại thời điểm Quý 3 trong năm 2021 giúp DSC trở nên sẵn sàng hơn khi tiếp cận những cơ hội mới, trong đó hoạt động Ngân hàng Đầu tư là một mắt xích quan trọng. Trên tình hình đầy biến động đó, Phòng Ngân hàng Đầu tư từng bước mở rộng mạng lưới khách hàng và đáp ứng được nhiều nghiệp vụ mới.

Trong năm 2021, Phòng Ngân hàng Đầu tư đã đạt được những kết quả sau:

- Ban hành 4 bộ quy trình nghiệp vụ làm nền tảng triển khai các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp trong giai đoạn tới;
- Thiết lập mối quan hệ với 3 đối tác quan trọng để thực hiện các thương vụ trong tương lai;
- Tiếp cận và hỗ trợ dịch vụ đối với 12 khách hàng tổ chức, trong đó kí kết thành công 02 hợp đồng tư vấn và đang triển khai tư vấn để ký kết với ít nhất 04 khách hàng khác trong năm 2022.

Trong đó, những thương vụ phổ biến trong năm 2021 bao gồm: Tư vấn phát hành và phân phối Trái phiếu doanh nghiệp; Tư vấn niêm yết; Tư vấn mua bán sáp nhập.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Năm 2021 đánh dấu một năm bước ngoặt mới cho hoạt động kinh doanh môi giới của chứng khoán DSC sau khi DSC thực hiện thành công hoạt động tái cấu trúc và tăng vốn điều lệ lên 1000 tỷ.

Sau khi được nâng vốn điều lệ lên 1000 tỷ chứng khoán DSC đã có đầy đủ nguồn lực để triển khai các hoạt động kinh doanh môi giới. Đồng thời việc tuyển dụng được các nhân sự quản lý và nhân viên môi giới chất lượng cao về làm việc chính thức cho DSC tại Hội sở Hà Nội đã giúp DSC gia tăng nhanh chóng lượng khách hàng mở mới và giao dịch. Chỉ tính riêng 3 tháng cuối năm đã có gần 1000 nhà đầu tư mở tài khoản và giao dịch tại Hội sở DSC. Nhờ vậy thị phần môi giới của DSC liên tục được cải thiện qua từng tháng. Tính từ T10/2021 đến T12/2021 trung bình mỗi tháng doanh thu từ hoạt động môi giới tăng trưởng 30%/tháng.

Lực lượng nhân sự môi giới tại Hội sở Hà Nội có sự tăng trưởng rất mạnh từ trước T10/2021 mới chỉ có 1-2 nhân sự môi giới tại Hội sở nhưng đến T12/2021 đã có đến 12 nhân sự môi giới chất lượng. Điều này giúp cho hoạt động tư vấn khách hàng cá nhân được phát triển rất mạnh mẽ.

Bên cạnh việc tăng trưởng nhanh chóng về doanh thu môi giới và thị phần thì doanh thu cho vay margin cũng tăng trưởng rất mạnh mẽ tạo ra nguồn thu chính cho công ty.

Cùng với việc đầu tư mạnh cho công nghệ thì năm 2022 được dự báo sẽ là năm Công ty DSC bứt phá mạnh mẽ và lọt vào Top 30 về thị phần các công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Trong năm 2020, DSC được bổ sung nguồn vốn thông qua việc phát hành thêm tăng vốn chủ sở hữu lên 1000 tỷ đồng.

- Để sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ phát hành thêm trong năm, DSC đã thực hiện phân bổ vốn vào các sản phẩm tài chính có lãi suất cố định và kỳ hạn dài.
- DSC đã mở rộng các mối quan hệ với các định chế tài chính và thực hiện đàm phán thành công hạn mức tín dụng qua đó giúp DSC có thể tiếp cận với các nguồn vốn đa dạng, chi phí hợp lý, mang lại hiệu quả trong hoạt động kinh doanh nguồn vốn.
- Bên cạnh đó, hoạt động điều phối nguồn vốn được duy trì ổn định, đảm bảo thanh khoản cho các hoạt động kinh doanh của công ty. Nguồn vốn vẫn luôn được đáp ứng cho nhu cầu vay của khách hàng cũng như nhu cầu vốn nội bộ vào những thời kỳ cao điểm cuối năm 2021.

Để chuẩn bị tốt cho quá trình tăng trưởng của DSC trong những năm tiếp theo, hoạt động nguồn vốn sẽ tiếp tục tập trung vào:

- Xây dựng kế hoạch đa dạng hóa các kênh huy động vốn từ các đối tác trong và ngoài nước.
- Hợp tác nội bộ nhằm mở rộng mảng kinh doanh của Công ty, ví dụ như hợp tác cùng Ngân hàng Đầu tư trong các hoạt động phân phối Trái phiếu thứ cấp.
- Hoàn thiện và chuẩn hóa các quy trình lập kế hoạch, theo dõi và báo cáo quản trị nguồn vốn và sử dụng vốn.
- Tăng cường hoạt động kinh doanh các sản phẩm tài chính có kỳ hạn dài với mức lợi suất hấp dẫn.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Thị trường Chứng khoán giai đoạn năm 2021 tiến vào xu hướng tăng mạnh mẽ, lấy chỉ số VNINDEX làm tham chiếu, tổng tăng toàn thị trường đạt: 34,28%.

CƠ HỘI

Trong khoảng thời gian này, phía đơn vị Phân tích và Tư vấn đầu tư đã tận dụng tối đa khả năng của các cơ hội đầu tư tốt trong năm 2021 bao gồm nhiều xu hướng đầu tư, với tỷ suất lợi nhuận khuyến nghị hầu hết đạt >50% vượt mức tăng trưởng của chỉ số tham chiếu.

THÁCH THỨC

Hiện tại chỉ số VNINDEX toàn thị trường đã tăng trưởng 54% và chưa có dấu hiệu điều chỉnh mạnh, định giá toàn thị trường hiện tại cũng đang ở vùng không còn quá rẻ nữa nên cần quan sát và chuẩn bị kỹ càng các cơ hội đầu tư và khuyến nghị cho năm tới.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Trong năm 2021, với sự bổ sung mạnh mẽ nguồn lực, DSC đã cho ra mắt nhiều tính năng mới hỗ trợ khách hàng và đáp ứng nhu cầu đa dạng bao gồm:

- Ra mắt các gói margin với mức lãi suất hấp dẫn;
- Nâng cấp bảng giao dịch điện tử và ứng dụng trading DSC;
- Phát hành báo cáo tư vấn, phân tích, nhận định thị trường hàng ngày và phân tích tâm điểm ngành, cổ phiếu định kỳ

Ngoài ra, nhiều sản phẩm mới đang được nghiên cứu phát triển và sẽ ứng dụng trong năm 2022 bao gồm: hệ thống giao dịch mới tương ứng mới mức tân tiến nhất trên thị trường, ra mắt hệ thống phân phối và giao dịch trái phiếu cho khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức, các gói cho vay ưu đãi dựa trên hạn mức tín dụng của khách hàng,...

ĐÁNH GIÁ NHÂN SỰ

Trong năm 2021, DSC đã thực hiện thành công quá trình tái cấu trúc, theo đó là thực hiện nhiều thay đổi về mặt nhân sự sao cho đáp ứng với bối cảnh, nguồn lực và định hướng kinh doanh mới.

TUYỂN DỤNG NHÂN SỰ ĐÁP ỨNG NHU CẦU CÔNG VIỆC VÀ PHÙ HỢP VỚI VĂN HÓA CÔNG TY

DSC tuyển dụng nhân sự trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng hằng năm được BTGD phê duyệt. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng trên cơ sở đề xuất của các phòng ban căn cứ vào kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và mục tiêu phát triển hàng năm. Việc tuyển dụng nhân sự thể hiện qua nhiều kênh khác nhau như website Công ty, qua các tổ chức tuyển dụng chuyên nghiệp. Tất cả các nhân sự ứng tuyển đều phải trải qua 1 số vòng phỏng vấn nhằm lựa chọn những ứng viên có kinh nghiệm và phù hợp với chiến lược kinh doanh và văn hóa công ty. Trong năm 2021, DSC đang trong giai đoạn đổi mới và chuyển đổi cơ cấu tổ chức nên tuyển mới hoàn toàn cán bộ, nhân viên nhằm bổ sung vào đội ngũ nhân sự của Công ty. Công ty tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.

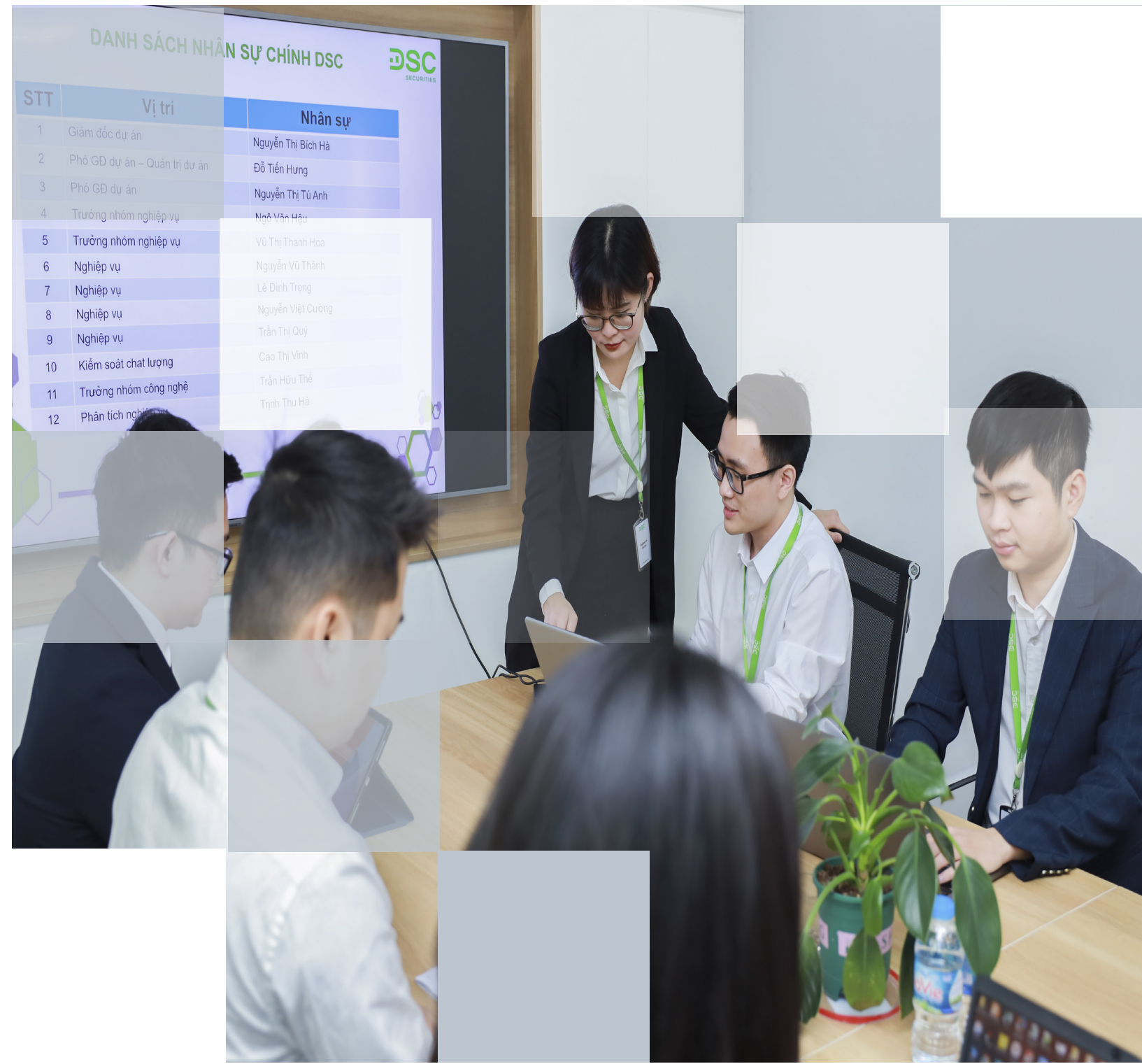
QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Cán bộ, nhân viên đi làm có nghĩa vụ chấm công bằng nhận diện khuôn mặt. Cuối tháng, cán bộ nhân viên có nghĩa vụ hoàn thiện phiếu xác nhận giờ công và đơn nghỉ chế độ theo mẫu ban hành của Công ty... cho những ngày không chấm công bằng nhận diện khuôn mặt trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chuyển lại cho phòng HCNS để tính lương.

Mọi CBNV của Công ty đều được phổ biến đầy đủ Nội quy Lao động và các quy trình, quy chế, quy định liên quan ngay từ khi bắt đầu vào làm việc tại Công ty nhằm giúp CBV hiểu và nắm rõ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện công việc

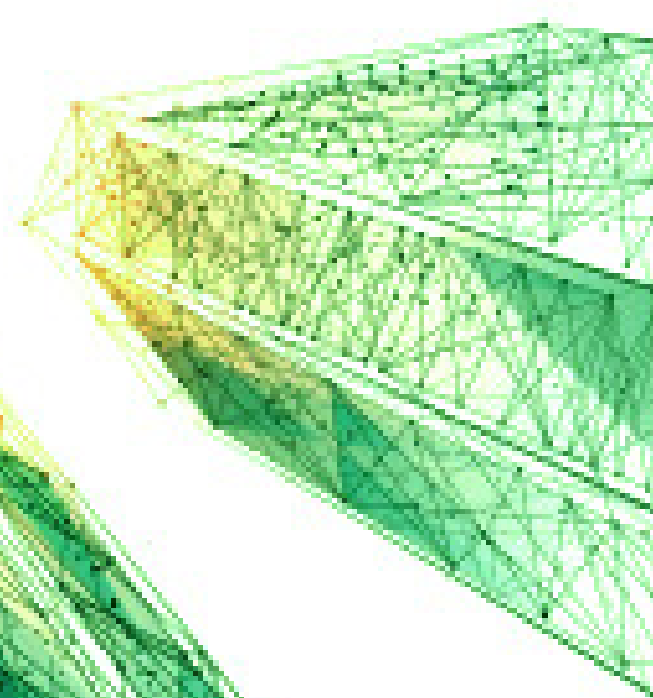
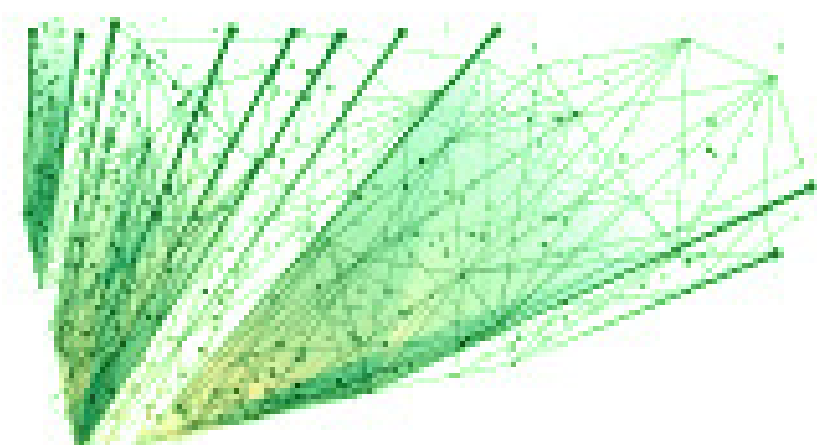
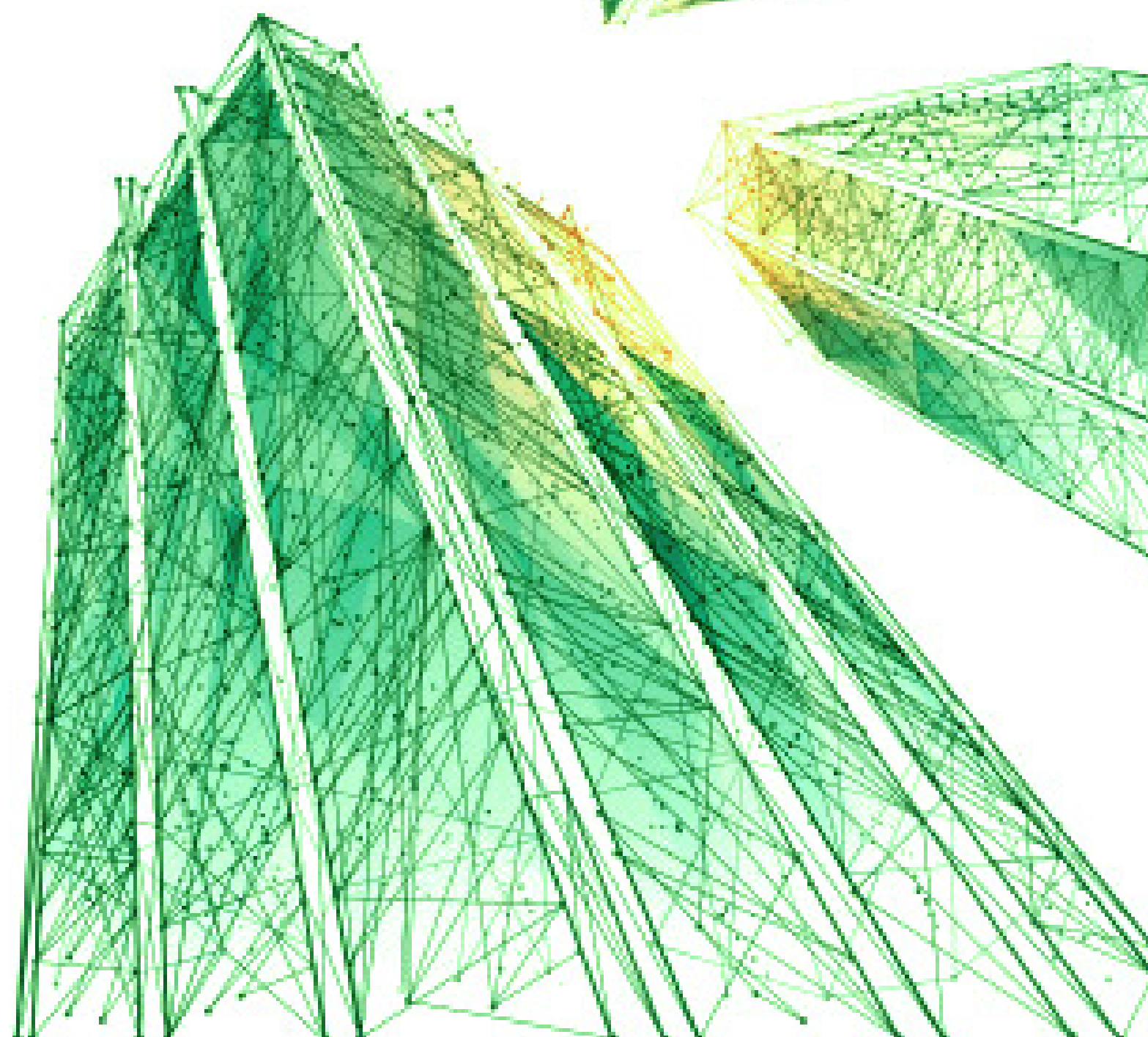
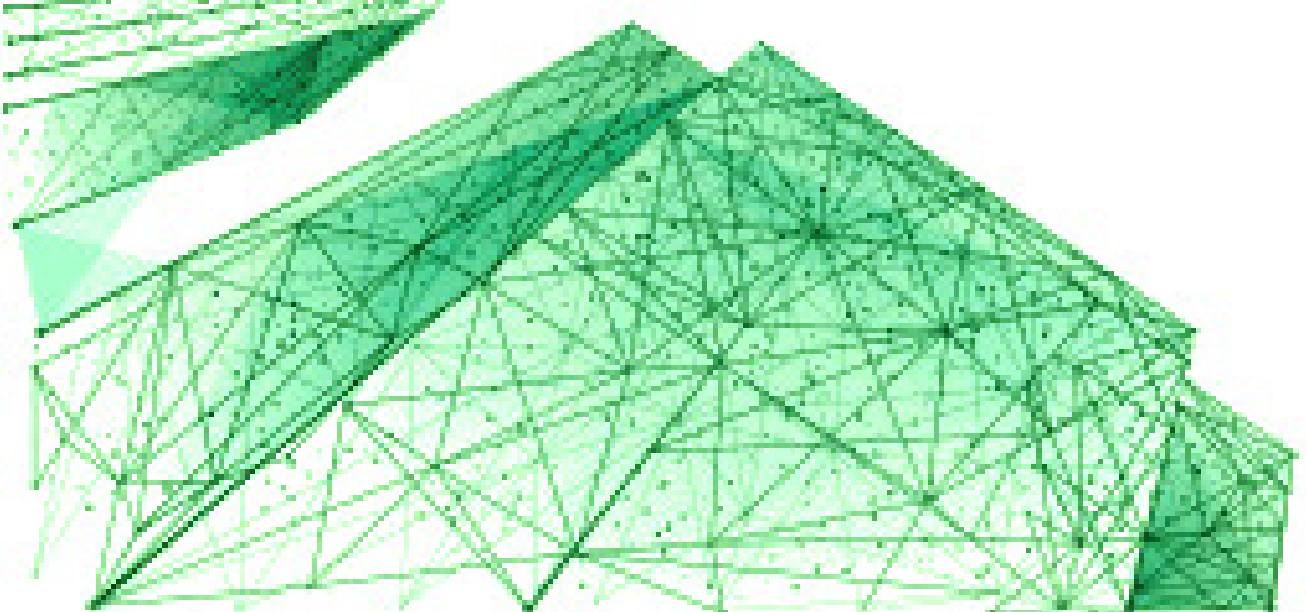
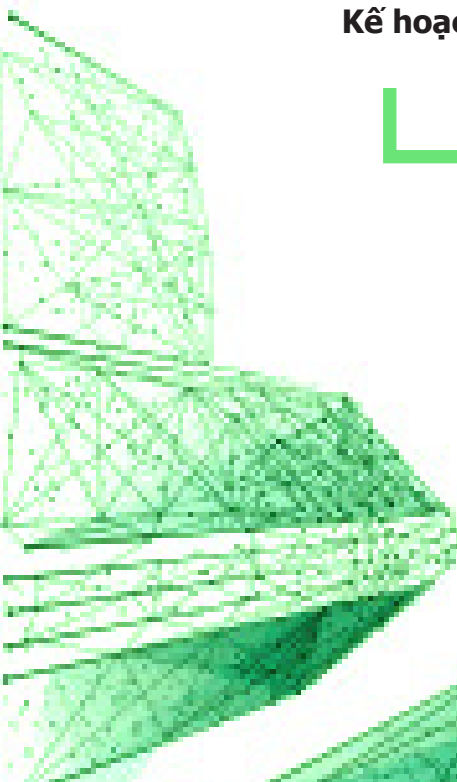
BỔ NHIỆM, THUYỀN CHUYỂN ĐÁP ỨNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện tuyển dụng 80 người, giải quyết chế độ nghỉ việc cho 18 người trên nguyện vọng cá nhân, nhằm đánh giá khả năng cá nhân của mỗi nhân sự từ đó góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Triển vọng năm 2022: Bối cảnh và xu hướng
Chiến lược phát triển trung - dài hạn
Kế hoạch kinh doanh năm 2022



2022 - BỐI CẢNH VÀ XU HƯỚNG

HIỆN TRẠNG

Tăng trưởng thấp nhất nhiều năm trong 2021 do làn sóng dịch quý 3, tăng trưởng quý 4 đã quay lại tích cực: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2021 ước tính tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, tuy cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng của quý IV các năm 2011-2019. Ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

Lạm phát nhiều nước tăng mạnh do gián đoạn chuỗi cung ứng: CPI năm 2021 tăng 1,81% YoY vào tháng 12/2021, khiến mức CPI trung bình cả năm 2020 đạt mức 1,84%. Trong năm 2021, CPI quý I đạt 0,30% YoY, quý II đạt 2,67% YoY, quý III đạt 2,51% YoY và quý IV đạt 1,89% YoY. CPI tăng mạnh vào quý I đạt mức 0,30%, do giá dầu nằm ở mức thấp và giá thịt heo suy giảm mạnh vào quý 1. Tuy nhiên, chỉ số này bắt đầu tăng trở lại vào quý III 2,67% YoY vào quý II do giá dầu và giá heo đồng thời hồi phục. Tuy nhiên, tác động tiêu cực của COVID-19 trong quý III đã làm kiềm hãm lại nhu cầu tiêu dùng kinh tế và từ đó, khiến các nhóm giá cả hàng hóa suy giảm.

PMI tích cực cho thấy sự mở rộng tiếp diễn: Chỉ số PMI tháng 12 tăng về ngưỡng tăng trưởng 52,5 điểm, từ 52,3 điểm trong tháng 11, cao hơn mức trung bình năm là 49,23 điểm (trung bình năm 2019 là 47,24 điểm). Các cấu phần của chỉ số cho thấy tín hiệu hồi phục được duy trì. Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng đều tăng trong tháng 12. Cùng với đó, giá bán hàng tăng, cho thấy cầu hàng hóa cho hoạt động sản xuất hồi phục. Yếu tố duy nhất vẫn ở mức cần theo dõi là lực lượng lao động vẫn đang ở mức khan hiếm

Chính sách lãi suất tiếp tục duy trì thấp, nhiều gói hỗ trợ vừa thông qua: Trong năm qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 10/2021/TT-NHNN quy định lãi suất tái cấp vốn được cắt giảm còn 0%/ năm, góp phần thúc đẩy tín dụng tăng cao hơn kỳ vọng giữa năm.

XU HƯỚNG VĨ MÔ

Các nước duy trì mở cửa mặc cho số ca nhiễm tăng mạnh (Mỹ, EU):

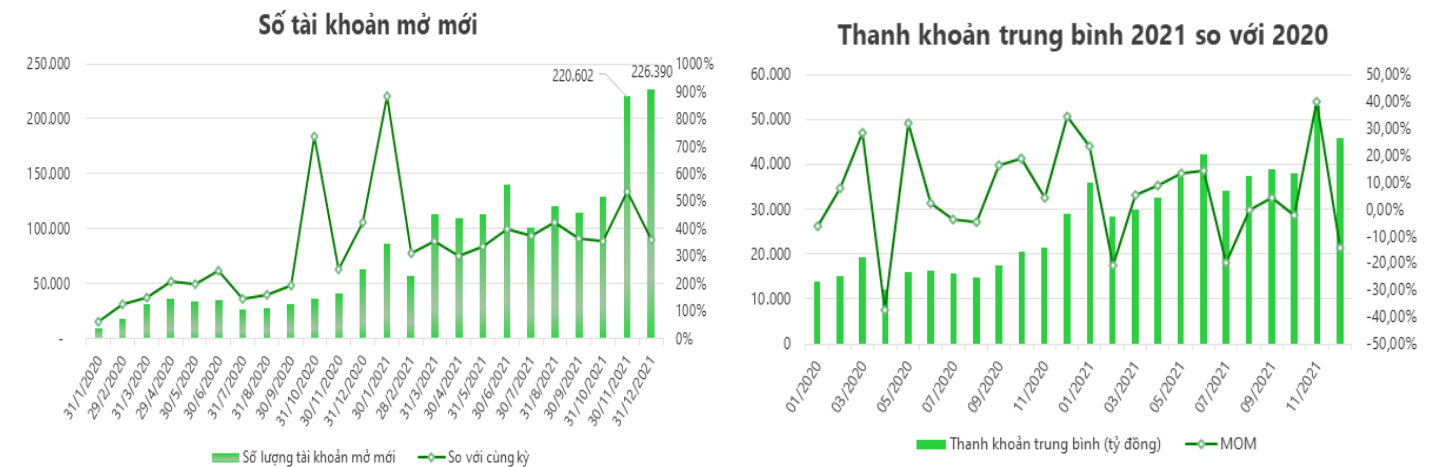
- **Chính sách tài khóa mở rộng:** (1) chính sách tài khóa kích thích vĩ mô có thể duy trì (2) Chính phủ phát hành gói kích thích nền kinh tế trị giá 347.000 tỷ đồng, dự kiến thúc đẩy tăng trưởng GDP khoảng 1%.
- **Thu hút vốn đầu tư FDI quay trở lại nhờ:** (1) bao phủ Vaccine Covid 19 tới toàn dân, dịch bệnh được kiểm soát và các địa phương gỡ bỏ các biện pháp phong tỏa; (2) xu hướng dịch chuyển nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.
- **Các hiệp định thương mại (CPTPP, EVFTA, và RCEP)** thúc đẩy mạnh mẽ việc xuất khẩu hàng hóa qua các thị trường lớn, mở ra nhiều cơ hội phục hồi hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sau một năm 2021 đầy khó khăn.
- **Lạm phát ở mức thấp:** Theo ước tính của DSC lạm phát sẽ có dấu hiệu tăng trở lại trong năm 2022 tuy nhiên vẫn được duy trì ở mức thấp dưới 4% với những lý do sau:
 - Giá dầu có thể đạt mức 75-85 USD/ thùng do năng lực sản xuất bị hạn chế và đầu tư và lĩnh vực dầu mỏ sụt giảm, thị trường dầu mỏ có thể rơi vào tình trạng cung không đủ cầu vào nửa cuối năm 2022.
 - Giá heo ước tính sẽ đạt mức 50.000 – 60.000 VND/kg, tương đương với mức giá trung bình năm 2021.
 - Giá điện và giá dịch vụ y tế duy trì ở mức thấp như năm 2021 khi chính phủ thực thi chính sách bình ổn giá cả hàng hóa hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.

Tỷ lệ tiêm chủng rất cao và tốc độ nhanh (sắp tiêm đủ mũi 3 trong quý 1) đảm bảo việc mở cửa nền kinh tế không bị gián đoạn.

- Tính tới ngày 23/1/2021, tỷ lệ tiêm chủng của Việt Nam đạt 76,6%, mặc dù dịch bệnh vẫn đang bùng phát mạnh tại các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng,... với số ca nhiễm bình quân trên 16 nghìn ca 1 ngày, tuy nhiên số người tử vong đã giảm từ trên 250 ca/ ngày xuống còn 159 ca/ ngày cho thấy đc hiệu quả của vaccin tới việc giảm số ca tử vong và tạo miễn dịch cộng đồng.
- Dự kiến tới quý 1/2022 sẽ tiêm đủ mũi thứ 3 cho 70% dân số đảm bảo việc mở cửa nền kinh tế không bị gián đoạn.

XU HƯỚNG NGÀNH

Ngành chứng khoán sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2022 khi số lượng tài khoản mở mới tiếp tục tăng kỷ lục nhờ vào 2 yếu tố chính: (1) Doanh nghiệp tăng trưởng trở lại khi nền kinh tế mở cửa; (2) Công nghệ Ekyc giúp việc mở tài khoản mới dễ dàng hơn, khiến số lượng tài khoản mở mới duy trì ở mức cao, 2 tháng gần nhất lượng tài khoản mở mới đạt mốc >200.000 tài khoản/tháng; (3) Thanh khoản vẫn có thể duy trì mốc trên 40.000 tỷ/phiên. Nhiều cơ hội đầu tư và nhu cầu huy động vốn sẽ vẫn tăng, tác động tích cực lên thị trường chứng khoán.



Nguồn: VSD.

Bên cạnh đó, triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2022 cùng việc MSCI nâng tỷ trọng của Việt Nam trong danh mục MSCI Frontier Markets Index và MSCI Frontier 100 Index sẽ tạo điều kiện thu hút thêm dòng vốn đầu tư nước ngoài vào TTCK Việt Nam, chưa kể đến các nguồn vốn đầu tư thụ động thông qua các quỹ ETF, và nguồn vốn đầu tư chủ động thông qua các công ty quản lý quỹ toàn cầu.

Đã có khá nhiều các quỹ chuyên đầu tư vào các thị trường mới nổi thể hiện sự quan tâm tới TTCK Việt Nam dù Việt Nam chưa nâng hạng, và một số đã thực hiện giải ngân một phần vốn để theo dõi và làm quen với thị trường, chuẩn bị cho việc đầu tư sau này. Với vị thế là thị trường lớn nhất trong nhóm các thị trường cận biên Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội được đầu tư từ nhóm các quỹ lớn hơn để chuẩn bị cho việc nâng hạng thị trường trong thời gian tới. Việc triển khai Luật chứng khoán mới, đặc biệt sau khi giải quyết được những điểm nghẽn về hệ thống giao dịch, triển khai tốt việc thành lập Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và phân bổ giao dịch, sẽ là các yếu tố không kém phần quan trọng về cơ sở hạ tầng để đảm bảo cho giai đoạn mới của sự phát triển của thị trường vốn tại Việt Nam.

Năm 2021, cùng với Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực vào 01/01/2021, một loạt văn bản pháp luật liên quan đến thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) cũng được ban hành và có hiệu lực, bao gồm: Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ; Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư 122/2020/TT-BTC hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định tại Nghị định 153. DSC dự báo thị trường TPDN 2022 vẫn sẽ sôi động nhưng sức nóng sẽ giảm so với 2021.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG - DÀI HẠN

Với định hướng trở thành một thương hiệu mạnh và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, DSC đã và đang nỗ lực mở rộng quy mô cũng như chất lượng dịch vụ tới tay khách hàng. Công ty luôn đặt ra những kế hoạch thực tế và phân bổ nguồn lực hợp lý để hoàn thành nhiệm vụ, từ đó từng bước đạt được các mục tiêu trên chặng đường phát triển lâu dài. Để hoàn thành những mục tiêu đó, DSC xác định các mảng kinh doanh trọng yếu của Công ty và chú trọng đẩy mạnh chất lượng nguồn nhân lực, công nghệ, nâng cao quy trình thực hiện, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng đầu ra dịch vụ để tối ưu hóa lợi ích cổ đông và khách hàng. Đồng thời, đối với các mảng hỗ trợ, DSC cũng chủ động cải tiến để tối ưu hóa chi phí mà vẫn mang lại hiệu quả cao. Trong tương lai trung – dài hạn, DSC đề ra các mục tiêu phát triển và kế hoạch thực hiện như sau:

ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỐT LÕI

Hoạt động Tư vấn đầu tư & Môi giới chứng khoán

- **Về khách hàng:** Nâng cấp trải nghiệm khách hàng với sự tư vấn tận tình và chuyên nghiệp đến từ đội ngũ chuyên viên tư vấn, cộng tác viên dày dặn kinh nghiệm. Mặt khác, cải thiện thiết kế ứng dụng điện thoại và ứng dụng website sao cho các tính năng trở nên thân thiện với người dùng, mượt mà và tiện lợi. Hướng tới chăm sóc tốt các khách hàng sẵn có và mở rộng tập khách hàng, tiếp cận những khách hàng có nhu cầu đầu tư, tích lũy và sinh lời từ tài sản, có nhu cầu trải nghiệm tăng mức độ hiểu biết với thị trường chứng khoán, bao gồm từ những nhà đầu tư đến từ mọi lứa tuổi, mọi tổ chức, mọi quốc gia và mọi phân khúc. Chú trọng cả khách hàng cá nhân lẫn khách hàng tổ chức. Qua đó, tăng cường mạnh mẽ thị phần môi giới trên một thị trường chứng khoán Việt Nam đang liên tục phát triển.
- **Về sản phẩm:** Đa dạng hóa danh mục sản phẩm cung cấp để đáp ứng nhiều nhất có thể những nhu cầu phong phú từ phía khách hàng. DSC tự hào là một trong những đơn vị chú trọng áp dụng công nghệ trong quá trình vận hành, do đó, dựa trên nền tảng công nghệ và vốn sẵn có, Công ty sẵn sàng thiết kế những sản phẩm linh hoạt, phù hợp với nhu cầu thị trường và có nhiều tính năng cạnh tranh, với chi phí ổn định và hợp lý.
- **Về chất lượng nhân sự:** Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gồm các chuyên gia trong từng lĩnh vực hoạt động, có thái độ làm việc chuyên nghiệp, nhiệt tình, tâm huyết, tư duy thích ứng cao, đảm bảo đáp ứng được đa dạng nhu cầu của khách hàng.
- **Về công nghệ:** Tiếp tục xây dựng và cải thiện hệ thống giao dịch, dịch vụ chăm sóc khách hàng theo hướng

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư

- **Về khách hàng:** Tăng cường năng lực tư vấn, khả năng tiếp cận, thấu hiểu khách hàng, hướng tới cung cấp các giải pháp toàn diện nhất, tối ưu hóa lợi ích khách hàng. Tiếp tục mở rộng tập khách hàng, đáp ứng được đa dạng nhu cầu như huy động vốn trên thị trường trái phiếu, cổ phiếu, tìm kiếm mục tiêu mua bán sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành,... Sử dụng hiệu quả nguồn lực nhằm đảm bảo cho các thương vụ đạt được kết quả tốt nhất. Xây dựng mạng lưới khách hàng tổ chức chặt chẽ, tích cực, giúp kết nối nhu cầu của các khách hàng với nhau.
- **Về nhân sự:** Tiếp tục chuyên môn hóa năng lực đội ngũ chuyên viên với cảm quan thị trường tốt, hiểu biết sâu rộng, nhanh nhạy, có thể đưa những giải pháp, khuyến nghị bài bản, tăng khả năng trao đổi, giao tiếp với khách hàng, tích cực tìm kiếm những đầu mối phát triển quan trọng nhằm đảm bảo đạt hiệu quả tư vấn cao nhất. Hướng tới mở rộng quy mô mảng Ngân hàng

Mảng Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính

- Đảm bảo chất lượng nguồn vốn với tỉ suất sinh lời cho Công ty và cổ đông đạt cao nhất, song vẫn kiểm soát tốt rủi ro và phân bổ hợp lý nguồn lực cho các hoạt động thiết yếu khác;
- Tăng trưởng tài sản và chất lượng tài sản ổn định hàng năm;
- Mang lại những sản phẩm với cấu trúc phù hợp, hiệu quả.

ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ

Hoạt động Phân tích & Nghiên cứu

- Xây dựng hệ thống trung tâm phân tích & nghiên cứu với những chuyên gia giàu kinh nghiệm, nắm bắt tốt, nhạy cảm với thị trường, với chuyên môn cao, giúp hỗ trợ đưa ra những khuyến nghị, tư vấn hợp lý, hỗ trợ khách hàng và các phòng ban khác trong việc ra các quyết định đúng đắn và có cơ sở;
- Hướng tới phát hành các báo cáo chuyên đề, phân tích chuyên sâu từ cấp độ vĩ mô và các nhóm ngành tới những bối cảnh cụ thể như doanh nghiệp và cơ hội đầu tư.



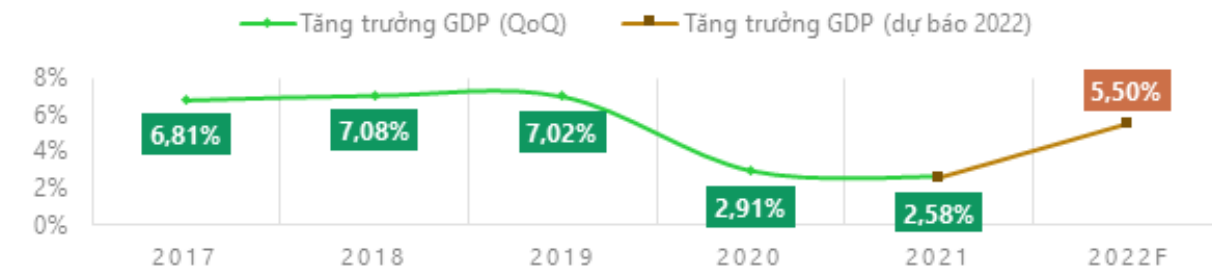
KẾ HOẠCH KINH DOANH

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG NĂM 2022

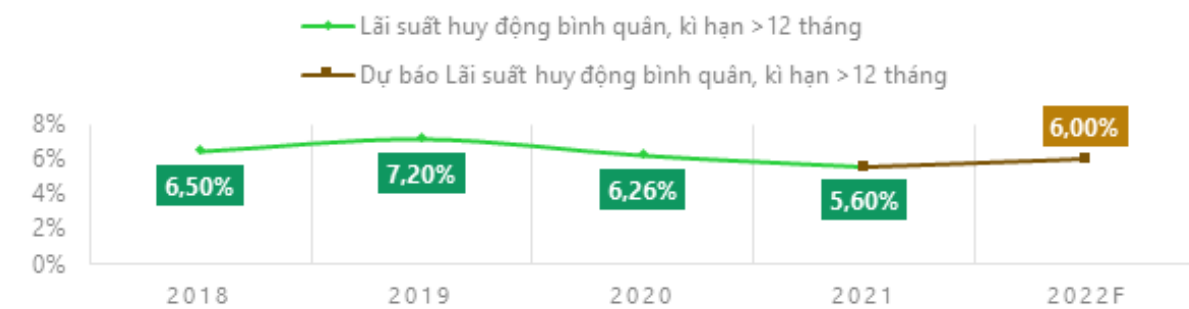
- Theo nhận định, triển vọng thị trường năm 2022 sẽ có những điểm tích cực sau:
- Covid-19 được kiểm soát, khả năng bình ổn trở lại vào Tháng 5, kéo theo sự hồi phục của nền kinh tế;
- Gói kích thích kinh tế tương đương 4,1% GDP trong 2022 – 2023;
- Thoái vốn nhà nước tại các Doanh nghiệp sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ trong 2022 – 2023 (BVH, BMP, NTP, Vinatex,...);
- Xu thế nhà đầu tư mới tham gia thị trường vẫn tiếp diễn trong 2022;
- Câu chuyện nâng hạng thị trường mới nổi sẽ được nhắc đến sau khi sở GDCK Việt Nam ra đời và thay đổi phần mềm giao dịch KRX.

CÁC DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP



XU HƯỚNG LÃI SUẤT



Nguồn: World Bank, VAFIE, Học viện Tài chính, FinPro, DSC tổng hợp.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Căn cứ vào các nhận định thị trường, Ban Tổng Giám đốc đặt ra mục tiêu trong năm 2022 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	188.302
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	56.591
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	45.273

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Báo cáo của Hội đồng quản trị
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Hoạt động quản trị doanh nghiệp trong năm
Thông tin cổ phiếu
Quản trị rủi ro

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC HOẠT ĐỘNG CHUNG

Trong năm 2021, HĐQT nhiệm vụ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ quy định pháp luật có liên quan, cụ thể:

- Chủ trì và chỉ đạo thành công các cuộc họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nhằm đáp ứng kịp thời.
- Phân cấp/phân quyền, giao việc cho Chủ tịch HĐQT nhằm giảm bớt khối lượng công việc cho HĐQT đối với một số vụ việc mang tính hành chính, sự vụ, diễn ra thường xuyên, ổn định, nhằm mục đích để HĐQT tập trung thời gian hơn vào việc hoạch định chính sách, chủ trương và kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các NQ ĐHĐCĐ, và NQ HĐQT đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của BGD trong hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị có một số sự thay đổi nhân sự. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị vẫn luôn cố gắng phối hợp hoạt động nhằm đạt được những kế hoạch đề ra.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Tổ chức chỉ đạo việc thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm, các báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 06 tháng đầu năm, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm 2021, Báo cáo thường niên.
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động kinh doanh;
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định;

Qua quá trình giám sát, nhờ thực hiện đúng quy trình, thủ tục kết hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán, công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc không bị trở ngại, việc giám sát của HĐQT và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng nghị quyết của HĐQT, thực hiện quản trị công ty theo chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Tiểu ban Kiểm toán vì quyền lợi của cổ đông công ty. HĐQT đánh giá cao việc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong bối cảnh đại dịch Covid 19 vẫn diễn ra khắp thế giới, ảnh hưởng nặng nề đến chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ và nền kinh tế thế giới, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tăng trưởng cả về điểm số và thanh khoản năm 2021, vượt xa kỳ vọng của hầu hết mọi người.

Ngoài các chỉ tiêu, kết quả kinh doanh như đã trình bày trên đây, trong năm vừa qua, công ty tiếp tục hoàn thiện các sản phẩm công nghệ hiện có, đồng thời phát triển, đầu tư hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán, tạo nền tảng để vận hành hệ thống công nghệ ổn định, phục vụ hoạt động kinh doanh, phát triển các sản phẩm mới trong tương lai.

Về cơ bản, trong năm 2021, Công ty vẫn giữ cơ cấu tổ chức, phát triển và mở rộng mạng lưới nhân sự và ổn định. Nhân sự toàn Công ty là 61 người.

Về công nghệ, Công ty đã thực hiện phát triển hệ thống để sẵn sàng kết nối với hệ thống KRX của HOSE; Nâng cấp hạ tầng công nghệ để đáp ứng lượng giao dịch lớn hơn nhiều, phát triển hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán. Các công tác quản trị, vận hành khác: thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời minh bạch; hoàn thiện hệ thống quy trình, vận hành theo quy trình.



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TRONG NĂM

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị DSC.

Hội đồng quản trị thực hiện vai trò giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo việc triển khai được thông suốt và hiệu quả. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã phối hợp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ tổ chức các chương trình kiểm tra hoạt động, giám sát đối với các đơn vị trong nội bộ, đảm bảo nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ của DSC.

THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
Nguyễn Đức Anh	CT HĐQT	37/37	100%	
Nguyễn Thị Bích Hà	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	37/37	100%	
Nguyễn Thị Thu Hà	TV HĐQT	37/37	100%	
Vũ Nhật Lâm	TV HĐQT	21/21	100%	Được bổ nhiệm từ 26/07/2021
Vũ Hồng Sơn	TV HĐQT	15/15	100%	Được bổ nhiệm từ 26/07/2021 & Miễn nhiệm từ ngày 01/12/2021

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT: Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 37 cuộc họp và chỉ đạo kịp thời các công việc thuộc phạm vi thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị. Cụ thể:

SỐ	THỜI GIAN	NỘI DUNG	
1	01/2021/NQ/HĐQT/DSC	08/01/2021	Bầu Chủ tịch HĐQT
2	02/2021/NQ-HĐQT/DSC	18/01/2021	Bầu Chủ tịch HĐQT
3	03/2021/NQ-HĐQT/DSC	20/01/2021	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
4	04/2021/NQ-HĐQT/DSC	29/01/2021	Phê duyệt giao dịch
5	05/2021/NQ-HĐQT/DSC	25/02/2021	Tạm ứng cho thành viên Hội đồng quản trị
6	05.1/2021/NQ-HĐQT/DSC	26/02/2021	Miễn nhiệm, bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
7	06.1/2021/QĐ-CT HĐQT	05/03/2021	Phê duyệt mua sắm máy móc thiết bị năm 2021
8	06/2021/NQ-HĐQT/DSC	01/04/2021	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua vấn đề thuộc thẩm quyền
9	06/2021/NQ-HĐQT/DSC	21/05/2021	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua vấn đề thuộc thẩm quyền
10	07/2021/NQ-HĐQT/DSC	11/06/2021	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua vấn đề thuộc thẩm quyền
11	08/2021/NQ-HĐQT/DSC	14/06/2021	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua vấn đề thuộc thẩm quyền
12	09/2021/NQ-HĐQT/DSC	23/06/2021	Phê duyệt phương án chi tiết phát hành riêng lẻ để tăng vốn điều lệ, tiêu chí và danh sách đối tượng được chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty
13	10/2021/NQ-HĐQT/DSC	23/06/2021	Phê duyệt hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty
14	10.1/2021/NQ-HĐQT/DSC	03/07/2021	Ban hành Bảng phân cấp Thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty cổ phần chứng khoán Đà Nẵng
15	11/2021/NQ-HĐQT/DSC	24/06/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
16	12/2021/NQ-HĐQT/DSC	24/06/2021	Thành lập Chi nhánh của Công ty
17	13/2021/NQ-HĐQT/DSC	26/07/2021	Sửa đổi và ban hành Điều lệ Công ty
18	14/2021/QĐ-CTHĐQT/DSC	03/08/2021	Phê duyệt ký Hợp đồng hạn mức tín dụng (15 tỷ của BIDV Đông Hà Nội)
19	15/2021/NQ-HĐQT/DSC	16/08/2021	Thông qua báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ

SỐ	THỜI GIAN	NỘI DUNG	
20	15.1/2021/QĐ-CT HĐQT/DSC	24/08/2021	Phân giao nhiệm vụ đối với Ông Vũ Hồng Sơn - Phó TGD
21	16/2021/QĐ-CT HĐQT/DSC	25/08/2021	Ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ các Đơn vị tại Trụ sở chính
22	17/2021/NQ-HĐQT/DSC	27/08/2021	Phê duyệt ký Hợp đồng hạn mức tín dụng (260 tỷ của BIDV Đông Hà Nội)
23	18/2021/NQ-HĐQT/DSC	27/08/2021	Phê duyệt Dự án Đầu tư Hệ thống Công nghệ thông tin DSC
24	18.1/2021/NQ-HĐQT/DSC	01/09/2021	Phê duyệt ban hành Quy định về Quản trị rủi ro tại Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
25	19/2021/NQ-HĐQT/DSC	22/09/2021	Phê duyệt Quy chế chức năng nhiệm vụ Ban TGD
26	20/2021/NQ-HĐQT/DSC	29/09/2021	Phân quyền cho Tổng Giám đốc trong hoạt động cho vay ký quỹ và kinh doanh nguồn vốn tại DSC
27	20.1/2021/NQ-HĐQT/DSC	10/01/2021	Phê duyệt các nội dung về liên quan đến hoạt động nguồn vốn, tự doanh và cho vay ký quỹ
28	21/2021/NQ-HĐQT/DSC	14/10/2021	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
29	22/2021/QĐ-CT HĐQT/DSC	18/10/2021	Lấy ý kiến HĐQT về việc miễn nhiệm Phó TGD
30	23/2021/QĐ-TGD/DSC	25/10/2021	Phê duyệt ký hạn mức tín dụng (Chung cho CTG, VCB, BID)
31	24/2021/NQ-HĐQT/DSC	28/10/2021	Miễn nhiệm PTGD
32	25/2021/NQ-HĐQT/DSC	29/11/2021	Phê duyệt ban hành Quy chế CBTT
33	26/2021/NQ-HĐQT/DSC	17/12/2021	Phê duyệt ban hành Nội quy lao động
34	27/2021/NQ-HĐQT/DSC	20/12/2021	Ban hành sửa đổi Quy định về Quản trị rủi ro của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
35	28/2021/NQ-HĐQT/DSC	20/12/2021	Phê duyệt Danh mục cho vay ký quỹ tháng 12/2021
36	29/2021/NQ-HĐQT/DSC	20/12/2021	Phê duyệt lựa chọn Nhà cung cấp Phần mềm Chứng khoán cơ sở
37	30/2021/NQ-HĐQT/DSC	20/12/2021	Ban hành Quy chế tài chính

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2021 như sau:

PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT

Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua thư điện tử và điện thoại về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và triển khai các nghị quyết của HĐQT và triển khai các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau:

- Giám sát tình hình tài chính: xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi ban hành văn bản.
- Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ, HĐQT đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty trong các quy trình sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc triển khai, quản trị rủi ro ở cấp công ty: chỉ đạo chặt chẽ kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong việc vận hành của hệ thống quản trị rủi ro của Công ty.
- HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp về: các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan nhằm giúp Ban Tổng Giám đốc có cơ sở triển khai.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục kết hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán, công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc không bị trở ngại, việc giám sát của HĐQT và Tiểu ban Kiểm toán được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng nghị quyết của HĐQT, thực hiện quản trị công ty theo chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Tiểu ban Kiểm toán vì quyền lợi của cổ đông công ty.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã có những sự thay đổi nhân sự (Đã được đề cập tại phần trên)

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ
Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng BKS	1/1	100%
Lê Thị Liên	TV BKS	1/1	100%
Bùi Thị Ngọc Ly	TV BKS	1/1	100%

NỘI DUNG HỌP

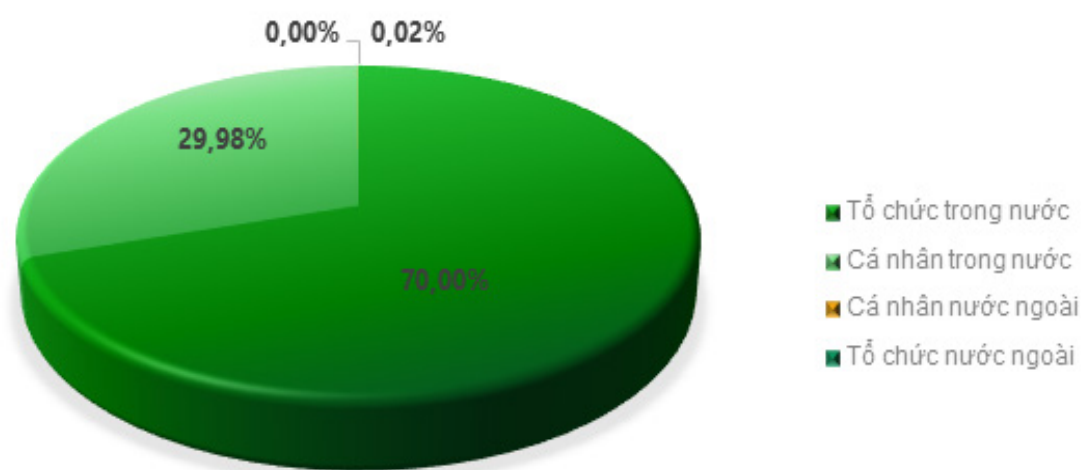
THỜI GIAN	NỘI DUNG
09/03/2021	Bầu Trưởng Ban kiểm soát Công ty

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tại thời điểm ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC đã phát hành 100.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phiếu phổ thông : 100.000.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đang lưu hành : 100.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 6.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 94.000.000 cổ phần
(Tháng 8/2021, Công ty hoàn tất việc chào bán riêng lẻ 94.000.000 cổ phiếu phổ thông)
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

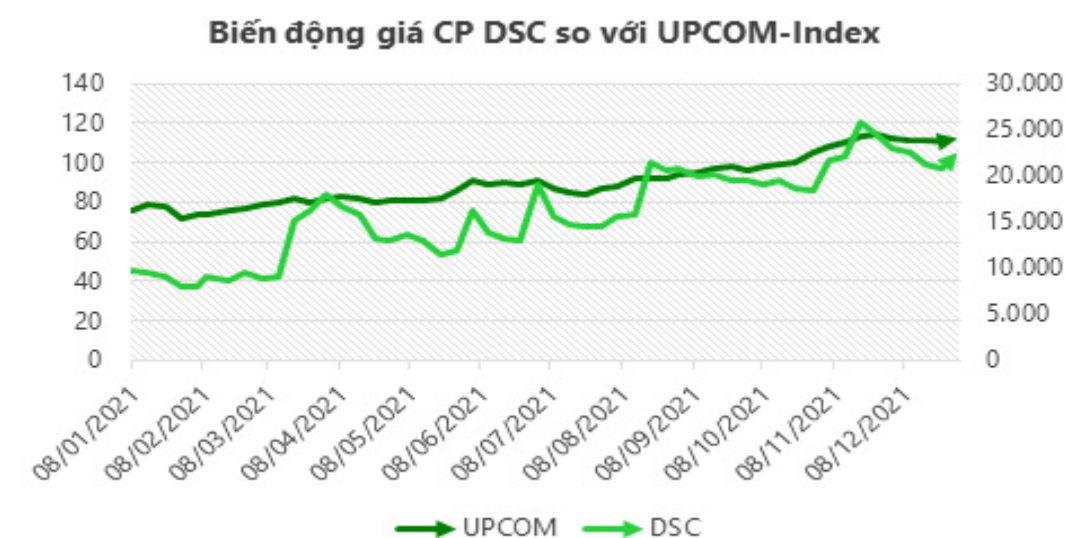
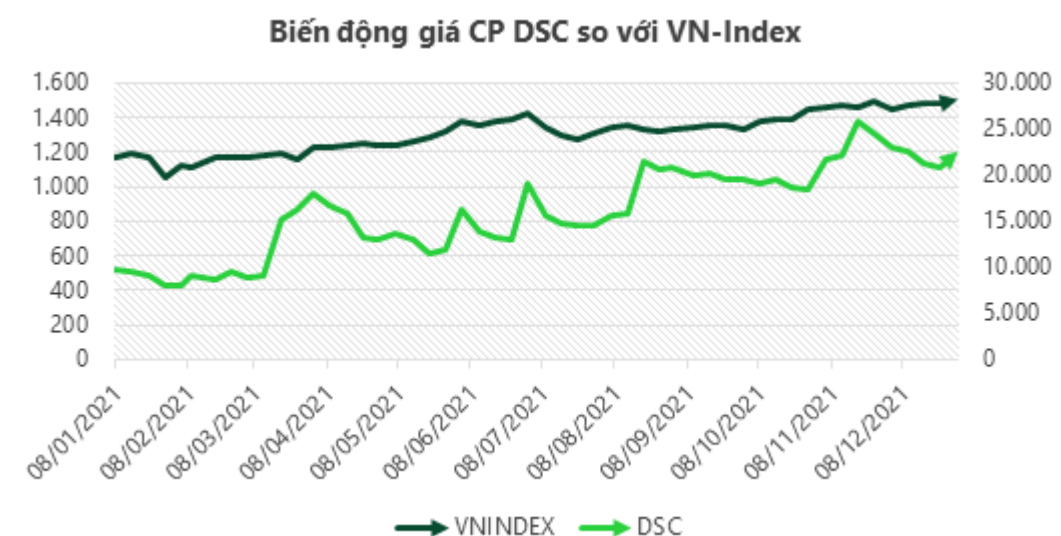


(Theo Danh sách cổ đông ngày 08/11/2021 do VSD cung cấp)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	SỐ CMND/ HỘ CHIẾU/ ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ/V%L
1	Công ty Cổ phần Đầu tư NTP	0109537681	Tầng 8, Thành Công Building, Số 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70.000.000	70,00%
2	Văn Lê Hằng	012962721	26 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	10.025.000	10,02%

BIẾN ĐỘNG CỔ PHIẾU DSC TRONG NĂM



CHỈ TIÊU	VNINDEX	UPCOM	DSC
Giá đầu năm	1.114	74	8.500
Giá cuối năm	1.498	113	22.500
Giá thấp nhất	998	68	7.500
Giá cao nhất	1.512	115	28.900
Biến động giá cuối năm so với đầu năm (%)	35%	51%	165%
Biến động giá cao nhất so với thấp nhất (%)	51%	70%	285%
Khối lượng giao dịch trung bình trong năm (tỷ đồng)	21.729,10	1.699,00	0,67

Nguồn: FiinPro.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Mặc dù mới bước vào giai đoạn cơ cấu lại hoạt động, nhưng việc quản trị rủi ro chặt chẽ luôn được DSC chú trọng và coi đây là nền tảng quan trọng xuyên suốt trong thời gian tới. Việc ban hành Quy định Quản trị rủi ro năm 2021 là minh chứng rõ ràng cho định hướng này: thông điệp về quản trị rủi ro và văn hóa rủi ro được thống nhất từ cấp Hội đồng quản trị đến từng bộ phận, phòng, ban và từng nhân sự tại DSC. Văn hóa tuân thủ luôn được đề cao, nhằm đảm bảo công ty hoạt động an toàn, hiệu quả, giảm thiểu rủi ro trong giai đoạn đang tái cơ cấu hoạt động như hiện nay.

Thời gian tới, DSC định hướng xây dựng bộ máy quản trị rủi ro đồng hành cùng kinh doanh làm tiền đề vững chắc để hỗ trợ thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược, giúp công ty lớn mạnh và phát triển bền vững.

Mô hình ba tuyến phòng vệ là mô hình tiên tiến đã được DSC cập nhật và triển khai trong năm 2021, trong đó vai trò quản lý cấp cao được nhấn mạnh, các tuyến phòng thủ hoạt động khách quan, liên tục nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn các sự kiện rủi ro có thể phát sinh gây thiệt hại cho công ty.

Với định hướng và Kế hoạch từng thời kỳ, Quản trị rủi ro sẽ tham vấn Hội Đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc ban hành Chính sách quản lý rủi ro từng thời kỳ để tăng cường tính giám sát, tuân thủ và đạt được mục tiêu về quản trị rủi ro từng thời kỳ, gắn với hiệu quả kinh doanh được tối ưu.

Các rủi ro đặc thù và cách thức quản trị rủi ro:

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Tại DSC, Phòng Quản trị rủi ro và Phòng Phân tích phối hợp nhịp nhàng trong việc theo dõi cập nhật tình hình thị trường, tình hình cổ phiếu, từ đó đưa ra dự báo xu hướng thị trường, tham vấn cho Ban lãnh đạo có những quyết định kinh doanh phù hợp.

RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh toán xảy ra khi công ty không thể thu hồi đầy đủ và đúng hạn các khoản vốn đầu tư, cho vay do đối tác và khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đầy đủ nghĩa vụ như đã cam kết. Rủi ro thanh toán có thể hiện diện trong nhiều hoạt động của công ty nhưng trọng yếu nhất là hoạt động Giao dịch ký quỹ.

Mặc dù mới triển khai hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ từ tháng 08/2021 nhưng việc xây dựng Danh mục cho vay được DSC thực hiện rất thận trọng thông qua Bộ tiêu chí xây dựng Danh mục kết hợp với đánh giá chuyên gia để đưa ra được một Danh mục cho vay phù hợp với khẩu vị của DSC cũng như hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh doanh.

Thời gian tới, định hướng tự động hóa xây dựng Danh mục và quy trình lên hệ thống là hướng đi cần thiết để nâng cao hiệu quả, tốc độ ban hành Danh mục cũng như chất lượng cung cấp dịch vụ đến với khách hàng.

Từ những giải pháp, định hướng nêu trên kết hợp với theo dõi diễn biến thị trường và rà soát danh mục cho vay thường xuyên để khuyến nghị khách hàng, hoạt động dịch vụ tài chính của DSC vẫn được duy trì ổn định kể cả khi thị trường liên tục có những biến động lớn trong Quý 4/2021 và đầu tháng 01/2022. Theo đó, DSC không phát sinh nợ xấu từ khi triển khai dịch vụ cho vay ký quỹ đến nay.

RỦI RO THANH KHOẢN

DSC luôn chú trọng quản lý đảm bảo thanh khoản thông qua lên kế hoạch quản trị nguồn vốn, tính toán dự kiến thu chi, nguồn huy động để có kế hoạch phân bổ đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý, đáp ứng đồng thời cả hai tiêu chí đảm bảo nguồn cho các hoạt động của công ty và hiệu quả về mặt chi phí.

Ngoài ra, DSC cũng tăng cường thiết lập quan hệ với các ngân hàng để đảm bảo hạn mức giải ngân linh hoạt kịp thời, đáp ứng được nhu cầu kinh doanh với chi phí hợp lý.

RỦI RO CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nhận thức rõ những rủi ro CNTT có thể gặp phải, DSC đã nhanh chóng cập nhật các Quy trình, quy định liên quan đến vận hành hệ thống CNTT, thực hiện chuyển DC tập trung về Ninh Bình để an toàn an ninh được đảm bảo ở mức tối đa. Song song với đó, đầu năm 2022, DSC đã ký hợp đồng với FSS về cung cấp hệ thống core chứng khoán cơ sở với những tính năng và bảo mật tiên tiến hơn, nâng cao năng lực hệ thống để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

Thời gian tới, Phòng Quản trị rủi ro tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, triển khai các kịch bản rủi ro hoạt động nói chung và rủi ro hệ thống CNTT nói riêng để đánh giá thực tế năng lực hệ thống, cũng như không để bị động trước những tình huống bất ngờ có thể xảy ra, mang lại trải nghiệm dịch vụ chứng khoán cho khách hàng ổn định, liên tục, bảo mật.

RỦI RO UY TÍN - THƯƠNG HIỆU

Trong thời đại công nghệ 4.0 như hiện nay, khi các thông tin đa chiều và được lan truyền rất nhanh trên mạng internet, thì bất kỳ tổ chức nào, trong đó có DSC luôn phải đối mặt với những rủi ro về hình ảnh, thương hiệu.

Ý thức được điều đó, DSC đã chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông nội bộ để kết nối và tăng cường nhận thức về giá trị thương hiệu, ý thức bảo vệ thương hiệu của công ty được tổ chức thường xuyên, liên tục.

Đồng thời DSC cũng tăng cường tính minh bạch trong truyền thông và chuẩn bị sẵn sàng các kịch bản ứng phó trước những tình huống phát sinh khi đẩy mạnh phát triển kinh doanh trong thời gian tới.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững
Báo cáo phát triển bền vững năm 2021
Nội dung báo cáo



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thấu hiểu thông điệp của Liên Hợp Quốc đối với phát triển bền vững trên toàn thế giới và tại bối cảnh cụ thể tại Việt Nam, DSC không chỉ tập trung vào việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm cải thiện doanh thu và lợi nhuận mà còn chú trọng vào những mục tiêu phát triển bền vững, bao gồm duy trì môi trường làm việc công bằng, bình đẳng cho các giới, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường,...

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỤ THỂ CỦA DSC

- Trở thành một thương hiệu mạnh và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Đóng góp vào sự phát triển tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng và Châu Á nói chung, góp phần mang lại thanh khoản, tính minh bạch, sự an toàn và niềm tin của nhà đầu tư;
- Mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông;
- Cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác;
- Tạo môi trường làm việc tốt, an toàn, thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến công bằng cho cán bộ, nhân viên.
- Gắn mục tiêu kinh doanh của Công ty với các mục tiêu môi trường và xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích với các bên liên quan.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> • Chỉ đạo chung về chiến lược. • Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động.
Ban Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch hành động trình HĐQT. • Triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động được HĐQT phê duyệt.
Các phòng ban, cán bộ, nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các kế hoạch hành động theo chỉ đạo của BTGD. • Chia sẻ, lan tỏa những giá trị phát triển bền vững tới cộng đồng.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ THÔNG TIN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2021

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững năm nay dựa trên sự tổng hợp thông tin, số liệu từ các hoạt động thực tế của DSC trong năm tài chính 2021. Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm lập Báo cáo Phát triển bền vững của Công ty và đến từ nhiều phòng ban khác nhau nhằm cung cấp các thông tin, số liệu một cách đầy đủ, trung thực nhất.

Đối tượng báo cáo được hướng đến là toàn bộ cán bộ, nhân viên Công ty cũng như các bên liên quan quan tâm đến các hoạt động của DSC như đối tác, khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư, cổ đông, cộng đồng địa phương, xã hội...

PHẠM VI BÁO CÁO

Tiêu chuẩn chung	<ul style="list-style-type: none"> • GRI 101 – Tổng quan về phát triển bền vững • GRI 102 – Thông tin chung
Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> • GRI 201 – Hiệu quả hoạt động kinh tế • GRI 201 – Sự hiện diện trên thị trường
Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> • GRI 301 – Vật liệu • GRI 302 – Năng lượng • GRI 303 – Nước • GRI 306 – Chất thải và nước thải • GRI 307 – Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường
Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> • GRI 401 – Việc làm • GRI 403 – An toàn và sức khỏe nghề nghiệp • GRI 404 – Giáo dục và đào tạo • GRI 405 – Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng • GRI 407 – Tự do lập hội và thương lượng tập thể • GRI 413 – Cộng đồng địa phương • GRI 418 – Quyền bảo mật thông tin khách hàng

1. TIÊU CHUẨN CHUNG

GRI 102

GRI 102 - 14: TUYÊN BỐ CỦA NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH CẤP CAO

Đây là năm đầu DSC thực hiện Báo cáo phát triển bền vững theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững dành cho lĩnh vực Tài chính của Tổ chức Báo cáo sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI). Theo đó, DSC lựa chọn các nguyên tắc sau trong việc lập báo cáo năm nay:

Nguyên tắc xác định nội dung:

- Sự tham gia của các bên
- Tính trọng yếu

Nguyên tắc xác định chất lượng:

- Đầy đủ
- Rõ ràng
- Nhất quán
- Tin cậy
- Có thể so sánh

GRI 104

GRI 104 – 40: NHẬN DIỆN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên trong doanh nghiệp

- Cổ đông/Nhà đầu tư
- Người lao động

Bên ngoài doanh nghiệp

- Khách hàng
- Nhà cung cấp
- Cơ quan quản lý nhà nước
- Các hiệp hội
- Cơ quan báo chí, truyền thông
- Cộng đồng địa phương

GRI 102

GRI 102 - 43: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

DSC thực hiện các phương pháp và kênh tiếp cận để gắn kết và tìm hiểu các mối quan tâm của các bên liên quan như sau:

Đối với Cổ đông/Nhà đầu tư

- ĐHCĐ thường niên và bất thường;
- Website của DSC, ...
- Thông qua Bộ phận quan hệ cổ đông (gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook ...)
- Gặp gỡ trực tiếp Nhà đầu tư;
- Chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu cơ hội đầu tư.

Đối với Người lao động

- Thông qua Người quản lý trực tiếp, bộ phận nhân sự, công đoàn
- Thông qua hội nghị sơ kết, tổng kết
- Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook, ...
- Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ

Đối với Khách hàng

- Thông qua ý kiến của đội ngũ môi giới và nhân viên tiếp xúc khách hàng;
- Trực tiếp tiếp xúc tại Sàn giao dịch, hội thảo, hội nghị tri ân khách hàng...
- Tổng đài chăm sóc khách hàng;
- Khách hàng gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook.

Đối với Nhà cung cấp

- Gặp gỡ, đàm phán trực tiếp
- Thông qua website, hồ sơ đánh giá năng lực, tài liệu

Đối với Cơ quan quản lý Nhà nước

- Tiếp xúc trực tiếp;
- Qua hội thảo, hội nghị, chương trình đào tạo;
- Thông qua thanh, kiểm tra định kỳ và bất thường.

Đối với các Hiệp hội

- Tham gia các cuộc họp của thành viên hiệp hội, hội thảo, diễn đàn;
- Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, email, các cuộc thanh kiểm tra định kỳ.

Đối với cơ quan báo chí, truyền thông

- Phòng vấn
- Tổ chức họp báo
- Chương trình gặp mặt
- Tiếp xúc trực tiếp, điện thoại, email...

Đối với Cộng đồng địa phương

- Thông qua chính quyền địa phương, cơ quan sở tại;
- Tiếp xúc trực tiếp;
- Thông qua facebook, điện thoại.

1. TIÊU CHUẨN CHUNG

GRI 102

GRI 102 - 43: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Cách tiếp cận các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN TÂM	HÀNH ĐỘNG CỦA DSC
Cổ đông/ Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động kinh doanh hiệu quả. Công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, kịp thời. Đảm bảo cổ tức và các quyền lợi hợp pháp của cổ đông. Giá cổ phiếu ổn định và có xu hướng tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chuyên nghiệp hóa hoạt động của Văn phòng HĐQT, Bộ phận công bố thông tin và Bộ phận phát triển sản phẩm và PR. Thực hiện đúng các cam kết đối với cổ đông về việc chi trả cổ tức và các quyền lợi hợp pháp khác. Hoàn thiện và không ngừng nâng cao hệ thống quản trị Công ty theo quy định pháp luật và các thông lệ quản trị tốt nhất.
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường làm việc tốt. Công việc ổn định. Cơ hội thăng tiến, phát triển. Trả lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh, đầy đủ, minh bạch. Chính sách đào tạo và phát triển đội ngũ tốt. 	<ul style="list-style-type: none"> Không ngừng mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo công việc ổn định và thu nhập ngày càng cao cho cán bộ, nhân viên. Không ngừng hoàn thiện văn hóa công ty nhằm tạo dựng môi trường làm việc hiệu quả, cạnh tranh. Lên kế hoạch và thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp trong và ngoài Công ty. Thường xuyên tổ chức đánh giá nhân sự, đề bạt, khen thưởng cán bộ, nhân viên làm tốt.
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Đáp ứng số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt, cạnh tranh với giá phí hợp lý. Ứng dụng công nghệ thông tin nhanh, hiện đại trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Đảm bảo quy mô và sự ổn định nguồn vốn cho vay. Trình độ và sự chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự. 	<ul style="list-style-type: none"> Chuyên nghiệp hóa bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm. Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin. Chủ động nguồn vốn tự có cũng như liên kết với nhiều tổ chức, cá nhân để đảm bảo quy mô nguồn vốn cho vay ngày càng lớn, đa dạng, chi phí huy động vốn hợp lý. Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo trong công việc cũng như cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ và kỹ năng chăm sóc khách hàng.
Nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> Quy trình lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo công bằng, minh bạch. Uy tín trong thanh toán 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng quy trình đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp. - Thành lập Hội đồng xét chọn nhà thầu gồm nhiều phòng ban, bộ phận đảm bảo có sự phản biện. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với quy trình mua sắm cũng hoạt động pháp chế, kế toán đối với hoạt động rà soát hợp đồng.
Cơ quan quản lý Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật; Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro. Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước. Chia sẻ ý kiến, quan điểm về thị trường; Góp ý hoàn thiện văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> Đẩy mạnh các hoạt động quản trị Công ty, pháp chế, kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ động gửi báo cáo, cung cấp thông tin, chia sẻ ý kiến góp ý và kinh nghiệm chuyên môn.
Hiệp hội	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội. Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội. Đóng góp đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho Hiệp hội. 	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội. Chủ động góp ý kiến và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các đợt góp ý kiến do Hiệp hội khởi xướng. Thực hiện đóng góp đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo thông báo của Hiệp hội.
Cơ quan báo chí, truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng tiếp cận thông tin về Công ty kịp thời, hiệu quả. Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông. 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ động gửi các thông cáo báo chí. Công bố thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện, hoạt động quan trọng của Công ty. Cung cấp thông tin, số liệu, phân tích, đánh giá theo yêu cầu đầy đủ, kịp thời, minh bạch. Cử chuyên gia trả lời phỏng vấn, nhận định, đánh giá.
Cộng đồng địa phương và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng. Triển khai các hoạt động thiện nguyện. Triển khai các hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư vào các lĩnh vực phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các chương trình, giải pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước tại văn phòng. Dành hạn mức tối thiểu hàng năm tham gia đóng góp, ủng hộ, tài trợ cho các chương trình an sinh xã hội. Dành hạn mức tối thiểu hàng năm đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu xanh.

2. KINH TẾ

GRI 201

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ TẠI 31/12/2021	TĂNG TRƯỞNG
Doanh thu hoạt động	Tỷ đồng	56	865%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	25	4.932%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.809	2.530%
Tổng số tài khoản khách hàng	Tài khoản	7.600	7%
Hoạt động cho vay Margin	Tỷ đồng	304	6.173%
ROAE	%	4,5%	515%
ROAA	%	2,6%	269%

GRI 202

SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

DSC đang có những bước đầu củng cố sự hiện diện của mình trên TTCK Việt Nam trong năm 2021 thông qua hoạt động tăng vốn và tái cấu trúc diễn ra từ thời điểm giữa – cuối năm 2021.

GRI 301

VẬT LIỆU

Chi phí văn phòng phẩm, sách báo, tài liệu của DSC năm 2021 tương ứng 213,582,888 đồng.

Với đặc thù của công ty chứng khoán, vật liệu chủ yếu Công ty sử dụng là giấy in, mực in, biểu mẫu, sách báo, tài liệu, văn phòng phẩm các loại với số lượng sử dụng hàng năm không lớn nên ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường. Việc sử dụng các loại vật liệu của Công ty trên cơ sở đề xuất hàng năm của các phòng ban, chi nhánh. Trong năm, các phòng ban, chi nhánh sử dụng theo định mức được phân bổ. Trong trường hợp phát sinh đột biến thì Trưởng phòng phải gửi giải trình thỏa đáng mục đích sử dụng có phát sinh đột biến đó cho Thành viên BTGD phụ trách và Phòng Hành chính Nhân sự. Tất cả các loại vật liệu đều được tận dụng tối đa và sau khi sử dụng đều được xử lý phù hợp để đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường như phân loại, chuyển cho đơn vị chuyên thu gom...

GRI 302, 303

NĂNG LƯỢNG VÀ NƯỚC

Chi phí sử dụng điện, nước và nước uống tại DSC năm 2021 tương ứng 422,648,089 đồng.

Do đặc thù là công ty cung cấp dịch vụ nên Công ty không sử dụng nhiều điện, nước như các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác như sản xuất, chế biến...

Tuy vậy, Công ty luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh với việc nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước.

Công ty lắp đặt toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện. Các phòng ban đều được thiết kế có nhiều cửa sổ để tăng cơ hội sử dụng ánh sáng mặt trời và gió tự nhiên. Hệ thống điều hòa tổng luôn đặt ở chế độ hợp lý nhằm tránh chênh lệch nhiệt độ quá nhiều so với bên ngoài. Công ty không khuyến khích cán bộ nhân viên làm việc ngoài giờ hành chính để đảm bảo tái sản xuất sức lao động cũng như tiết kiệm điện năng cho Công ty. Muốn làm việc thêm giờ, cán bộ, nhân viên phải đăng ký trước.

Phòng Hành chính Nhân sự có trách nhiệm đi kiểm tra, tắt các thiết bị điện chiếu sáng, điều hòa ở hành lang và ở các phòng nếu bị bỏ quên. Công ty ký Hợp đồng bảo dưỡng định kỳ hệ thống điều hòa và máy móc (máy tính, máy in...) để đảm bảo duy trì công suất máy, hạn chế thất thoát điện năng.

Phòng Hành chính Nhân sự cũng được phân công thường xuyên kiểm tra các vòi nước đảm bảo không bị rò rỉ nước, bỏ quên không tắt vòi nước... Nước uống đóng bình được cấp cho từng tầng theo hạn mức.

Bên cạnh thực hiện các chính sách, thủ tục tiết kiệm điện năng và nước, Công ty cũng ban hành các chế tài đối với các phòng ban, cán bộ, nhân viên vi phạm quy định về sử dụng năng lượng.

3. MÔI TRƯỜNG

GRI 306

CHẤT THẢI, NƯỚC THẢI

- Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Công ty cũng thực hiện nhiều biện pháp để giảm thiểu việc phát thải các chất thải ra môi trường. Công ty sử dụng hệ thống điều hòa với công nghệ mới và thuê nhà cung cấp thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để tránh rò rỉ, phát thải chất khí gây hại cho môi trường. Rác thải từ văn phòng được phân loại thành các loại rác hữu cơ, rác có thể tái chế, rác thải độc hại. Nhân viên thu dọn rác được yêu cầu phân loại rác trước khi bàn giao cho Công ty thu gom rác.
- Đối với rác thải hữu cơ: tại mỗi phòng ban và hành lang, nhà vệ sinh đều có đặt thùng rác đậy kín. Nhân viên vệ sinh được yêu cầu thu dọn rác hàng ngày để tránh gây ô nhiễm văn phòng làm việc.
- Đối với rác thải có thể tái chế như giấy, bìa, chai, lọ nhựa, thủy tinh: nhân viên vệ sinh sẽ gom riêng để bán hoặc tái sử dụng.
- Đối với rác thải độc hại như mực in, pin, bóng đèn: được gom riêng để bàn giao cho bên cung cấp mực in hoặc Công ty thu gom rác.

GRI 306

CHẤT THẢI, NƯỚC THẢI

Trong năm 2021, Công ty không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

Để đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, nhân viên vốn dành phần lớn thời gian trong ngày tại Công ty, góp phần giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, nhân viên vệ sinh được yêu cầu quét dọn 2 lần/ngày các khu vực chung và 1 lần/ngày đối với các khu vực riêng. Cán bộ, nhân viên được yêu cầu thường xuyên lau dọn bàn làm việc và các thiết bị sử dụng đồng thời sắp xếp tài liệu gọn gàng, khoa học. Công ty cũng thuê một công ty chuyên nghiệp cung cấp và bảo dưỡng định kỳ cây cảnh và máy móc trong toàn bộ văn phòng làm việc.

4. XÃ HỘI

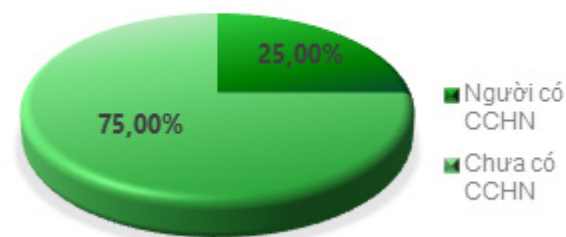
GRI 401

VIỆC LÀM

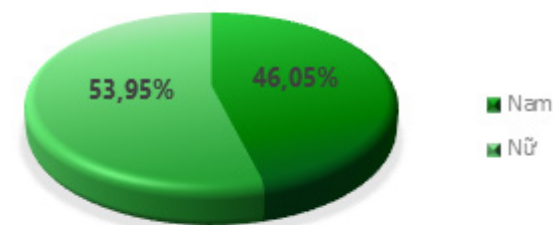
NGUỒN NHÂN LỰC CỦA DSC

Tổng số cán bộ, nhân viên trên toàn hệ thống của DSC (Bao gồm Hội sở, 1 chi nhánh) tính đến 31/12/2021 là 76 người (Hội sở: 51 người, Chi nhánh: 15 người), trong đó toàn bộ là người Việt Nam.

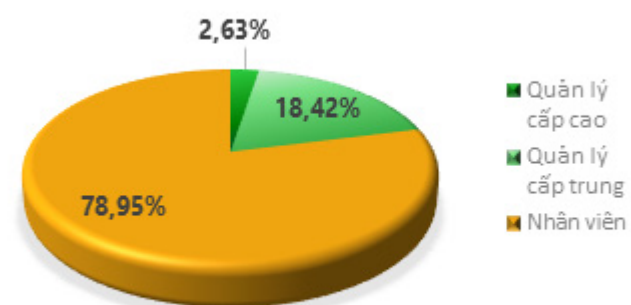
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ



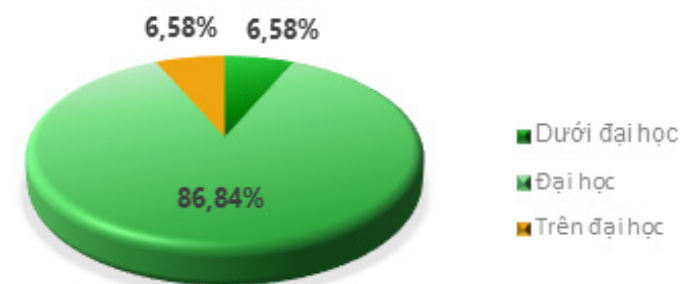
THEO GIỚI TÍNH



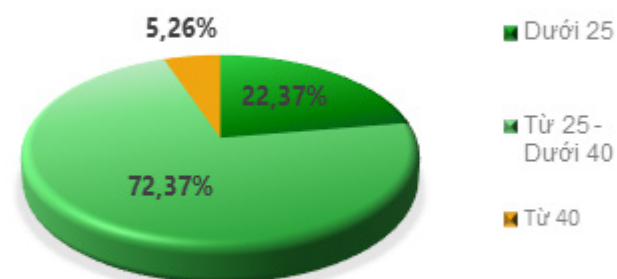
THEO CẤP QUẢN LÝ



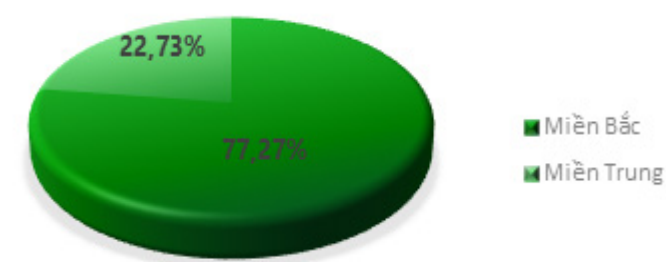
THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN



THEO ĐỘ TUỔI



THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ



HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ

TUYỂN DỤNG NHÂN SỰ ĐÁP ỨNG NHU CẦU CÔNG VIỆC VÀ PHÙ HỢP VỚI VĂN HÓA CÔNG TY

DSC tuyển dụng nhân sự trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng hàng năm được BTGD phê duyệt. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng trên cơ sở đề xuất của các phòng ban căn cứ vào kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và mục tiêu phát triển hàng năm. Việc tuyển dụng nhân sự thể hiện qua nhiều kênh khác nhau như website Công ty, qua các tổ chức tuyển dụng chuyên nghiệp. Tất cả các nhân sự ứng tuyển đều phải trải qua 1 số vòng phỏng vấn nhằm lựa chọn những ứng viên có kinh nghiệm và phù hợp với chiến lược kinh doanh và văn hóa công ty. Trong năm 2021, DSC đang trong giai đoạn đổi mới và chuyển đổi cơ cấu tổ chức nên tuyển mới hoàn toàn cán bộ, nhân viên nhằm bổ sung vào đội ngũ nhân sự của Công ty. Công ty tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.

QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Cán bộ, nhân viên đi làm có nghĩa vụ chấm công bằng nhận diện khuôn mặt. Cuối tháng, cán bộ nhân viên có nghĩa vụ hoàn thiện phiếu xác nhận giờ công và đơn nghỉ chế độ theo mẫu ban hành của Công ty...cho những ngày không chấm công bằng nhận diện khuôn mặt trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chuyển lại cho phòng HCNS để tính lương.

Mọi CBNV của Công ty đều được phổ biến đầy đủ Nội quy Lao động và các quy trình, quy chế, quy định liên quan ngay từ khi bắt đầu vào làm việc tại Công ty nhằm giúp CBNV hiểu và nắm rõ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện công việc.

BỔ NHIỆM, THUYỀN CHUYỂN ĐÁP ỨNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện tuyển dụng 80 người, giải quyết chế độ nghỉ việc cho 18 người trên nguyện vọng cá nhân, nhằm đánh giá khả năng cá nhân của mỗi nhân sự từ đó góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.



CHẾ ĐỘ LƯƠNG, THƯỜNG HẤP DẪN

Quy chế lương, thưởng của Công ty được ban hành dựa trên nguyên tắc thỏa thuận đảm bảo mức thu nhập theo đúng năng lực và phù hợp với thị trường lao động, tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm công việc của Người lao động.

Thu nhập của Người lao động tại DSC là thu nhập thuần hàng tháng. Cán bộ, nhân viên của Công ty được trả lương 01 lần/tháng. Công ty trích nộp các khoản Thuế TNCN, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động trước khi trả thu nhập cho người lao động theo đúng quy định pháp luật và Công ty.

HỖ TRỢ ĐẦY ĐỦ CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP, PHÚC LỢI CHO LAO ĐỘNG VÀ THÂN NHÂN

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc theo đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (như phụ cấp ăn ca, công tác phí, sinh nhật cá nhân, ngày 08/03, ngày 20/10, ngày lễ, Tết...)

Lao động nữ được nghỉ đủ 6 tháng khi sinh con và được giảm giờ làm khi mang thai từ tháng thứ 7 trở đi và sau khi sinh con trong vòng 1 năm. Lao động nam được nghỉ từ 5-14 ngày khi vợ sinh con. Ngoài ra Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng thai, dưỡng sức, nghỉ phép... đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động và không có phát sinh khiếu nại nào về việc thực hiện chính sách cho người lao động năm 2021.

Công ty không chỉ quan tâm trực tiếp đến cán bộ nhân viên mà còn quan tâm đến thân nhân, gia đình của cán bộ nhân viên. Hằng năm công ty đều tổ chức tặng quà cho các cháu nhân ngày Tết Thiếu nhi, Rằm trung thu.

Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện và cởi mở. Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ, nhân viên. Trụ sở làm việc và văn phòng chi nhánh được thiết kế khang trang, thoáng mát, trang bị máy tính cá nhân và các công cụ làm việc khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động. Phòng HCNS có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, nhân viên duy trì môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và chuyên nghiệp.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, các hoạt động Teambuilding, End Party cuối năm bị tạm dừng. Trong thời điểm dịch bệnh tăng cao và tòa nhà có ca mắc nhiễm, Công ty đã tiến hành test nhanh cho cán bộ nhân viên hàng tuần. Trong trường hợp Văn phòng có ca nhiễm, Công ty đã tiến hành khử khuẩn và test sàng Pcr nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ, nhân viên.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động cũng rất được quan tâm. Năm 2021, Công ty mua bảo hiểm sức khỏe Bảo Việt cho Cán bộ nhân viên Công ty. Vào tháng 11 năm 2021, Công ty tổ chức chương trình khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên.

GRI 403

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện và cởi mở. Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ, nhân viên. Trụ sở làm việc của Công ty và Chi nhánh được thiết kế khang trang, thoáng mát; trang bị máy tính cá nhân và các công cụ, dụng cụ làm việc khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động. Phòng Hành chính Nhân sự chịu trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, nhân viên duy trì môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và chuyên nghiệp.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên các giải thể thao của Công ty bị tạm dừng nhưng cán bộ, nhân viên của Công ty vẫn được Công ty khuyến khích tự tổ chức theo các nhóm nhỏ như chạy... nhằm giúp cán bộ, nhân viên rèn luyện sức khỏe để làm việc và cống hiến tốt hơn.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động cũng rất được quan tâm. Năm 2021, Công ty thực hiện tổ chức chương trình khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên toàn công ty tại Phòng khám đa khoa Medlatec.

GRI 404

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Để có được đội ngũ nhân sự chất lượng, ngoài tuyển dụng đúng người – đúng việc, hoạt động đào tạo chính là giải pháp mà DSC đặc biệt chú trọng đầu tư nhằm hướng tới những lợi ích lâu dài. DSC đã xây dựng chính sách tài trợ toàn bộ chi phí đào tạo để khuyến khích CBNV học hỏi, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ với các khối môi giới, nghiệp vụ.

Ngoài ra, CBNV khi vào làm việc tại DSC đều được tham gia khóa đào tạo văn hóa doanh nghiệp, quy trình, quy định của Công ty để giúp nhân sự mới nhanh chóng hòa nhập và triển khai công việc.

GRI 405

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Công ty luôn đảm bảo sự công bằng trong môi trường làm việc cũng như cơ hội phát triển cho lao động nữ của Công ty. Tỷ lệ nữ giới trong Công ty là 54%. Chế độ lương, thưởng dành cho nữ giới của Công ty không có sự phân biệt nào so với lao động nam. Nữ giới luôn được khuyến khích đưa ý kiến và tham gia vào các vị trí quản lý của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chính sách dành cho nữ giới như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi khi mang bầu, sinh con ...

GRI 407

TỰ DO LẬP HỘI VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

Cán bộ, nhân viên được tự do lập hội để nâng cao tinh thần, sức khỏe. Một số hội đã được lập mới hoặc duy trì hoạt động trong năm 2021 như các hoạt động Teambuilding, End Party.

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định hiện hành của Pháp luật. Thỏa ước lao động tập thể được toàn thể CBNV của Công ty thông qua và được đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội. Toàn thể người lao động trong Công ty được hưởng lợi ích từ Thỏa ước lao động tập thể. Đời sống của cán bộ, nhân viên được chăm lo thông qua tổ chức công đoàn của Công ty và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Bất kỳ sự xung đột lợi ích nào giữa Công ty và cán bộ, nhân viên (nếu có) đều được tổ chức công đoàn đứng ra giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

LÀ THÀNH VIÊN TIÊU BIỂU, CÓ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP VÀ CÁC HIỆP HỘI

Năm 2021, DSC tham gia tích cực vào các hoạt động do các cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội tổ chức. Cụ thể:

- Tham gia tất cả các hội thảo sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN và Hiệp hội đầu tư chứng khoán tổ chức, tham gia tất cả các hội thảo phổ biến văn bản pháp luật, phổ biến quy định về quản trị công ty, quy định về lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
- Tham gia tất cả các lần đóng góp ý kiến sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN, SGDC, Hiệp hội đầu tư kinh doanh chứng khoán... yêu cầu trong đó có các văn bản quan trọng như dự thảo sửa đổi Nghị định 153/2020/NĐ-CP về Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế ...
- Đóng góp nhiều ý kiến quan trọng cho cơ quan quản lý Nhà nước (như UBCKNN, SGDC, TTLCKVN, VCCI, Bộ KH&ĐT...) và Hiệp hội đầu tư chứng khoán, Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Hiệp hội trái phiếu... góp phần xây dựng TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ở Việt Nam.
- Đã gửi các báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch cho nhiều cơ quan quản lý khác nhau như UBCKNN, SGDC Hà Nội, SGDC Tp.HCM, TTLCKVN, UBGSTCQG, Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan thuế, Cơ quan thống kê, Cơ quan bảo hiểm...
- Đã giải trình đầy đủ, hợp lý về tình hình kinh doanh, tình hình tài chính và tình hình khách hàng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước khi được yêu cầu.
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác truyền thông với nhiều cơ quan, báo, đài nhằm cung cấp thông tin chủ động, đầy đủ, kịp thời và có trách nhiệm đến công chúng.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2021, DSC đã đóng góp tích cực vào các chương trình và quỹ hỗ trợ cho trẻ em, người nghèo, các gia đình thương binh, liệt sỹ và bác sỹ, bệnh nhân bị ảnh hưởng bởi Covid nhằm tạo ra môi trường sống tốt hơn cho cộng đồng.

GRI 18

QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Số tài khoản chứng khoán thuộc quản lý của DSC: 7,600 tài khoản.

Là công ty chứng khoán quản lý tài khoản của 7,600 khách hàng do đó yêu cầu bảo mật thông tin của khách hàng luôn được Công ty ưu tiên và chú trọng. Công ty đã ban hành các quy định nội bộ về bảo mật thông tin khách hàng cũng như chế tài xử lý nếu làm lộ thông tin khách hàng. Các phần mềm giao dịch chứng khoán và kế toán của Công ty đều được mua từ các đối tác uy tín, phân quyền sử dụng và khai thác thông tin, số liệu dựa trên sự đề xuất bằng văn bản của trưởng phòng, sự phê duyệt của Ban lãnh đạo và sự thực hiện phân quyền của Phòng CNTT. Công ty cũng mua các phần mềm để bảo mật, chống truy cập bất hợp pháp cho hệ thống website, phần mềm của công ty. Các hợp đồng, hồ sơ, giấy tờ liên quan đến thông tin khách hàng đều được các phòng liên quan quản lý trong các tủ có khóa, khi không còn sử dụng thì được tiêu hủy theo đúng quy định của Công ty.

ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC VÀO THỊ TRƯỜNG VỐN

Công ty tiếp tục kiên định chiến lược kinh doanh theo hướng sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có cũng như các nguồn lực huy động từ bên ngoài để nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững.

Một trong những nội dung ưu tiên của chiến lược phát triển bền vững đó là dành một phần quan trọng nguồn lực để đầu tư và hỗ trợ thị trường vốn thông qua các hoạt động môi giới, cung cấp dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành...

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

DSC đã cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính cho các Nhà đầu tư vào cổ phiếu xanh niêm yết và chưa niêm yết. Ngoài ra, Công ty cũng cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính cho chính các Doanh nghiệp xanh nhằm góp phần nâng cao năng lực tài chính, quản trị của các Doanh nghiệp xanh, giúp hỗ trợ giao dịch và cải thiện tính thanh khoản của các cổ phiếu xanh, giúp Nhà đầu tư biết nhiều hơn đến các cổ phiếu xanh. DSC cũng là đơn vị nhận ủy thác đấu giá cổ phần và đại lý đấu giá cổ phần của rất nhiều cổ phiếu xanh thông qua Sở giao dịch chứng khoán và thông qua công ty chứng khoán. Hoạt động của DSC đã góp phần làm cho quá trình huy động vốn, thoái vốn, bán bớt phần vốn, cổ phần hóa của các Doanh nghiệp xanh được hiệu quả hơn.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Trong năm 2021, Công ty đã đầu tư lượng vốn mới huy động vào các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM 1,150 tỷ VNĐ, chiếm 63.5% tổng tài sản), các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL 280 tỷ VNĐ, chiếm 15.4% tổng tài sản) và Các khoản cho vay (342 tỷ VNĐ, chiếm 19% tổng tài sản). Đặc biệt, đa số các khoản đầu tư kể trên là chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, vốn là những tài sản rất an toàn, có độ thanh khoản cao được DSC lựa chọn để sẵn sàng nguồn lực cho giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ trong thời gian sắp tới.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

Công ty luôn chú trọng đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành cho các doanh nghiệp có định hướng phát triển bền vững (các doanh nghiệp xanh).

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện tiếp xúc, đàm phán và ký kết hợp đồng với nhiều doanh nghiệp xanh, một số doanh nghiệp xanh điển hình mà DSC đã đàm phán và ký kết hợp đồng trong năm 2021 của Công ty như:

STT	DOANH NGHIỆP	LOẠI HÌNH DỊCH VỤ	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
1	Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Hà Nam	Tư vấn đại chúng hóa, đăng ký giao dịch/niêm yết	Chuyên kinh doanh trong lĩnh vực vận tải ô tô góp phần cải thiện và mở rộng việc vận tải hành khách và giao thương hàng hóa cho người dân.
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Xanh	Tư vấn đại chúng hóa, đăng ký giao dịch/niêm yết	Sản xuất điện năng bằng năng lượng mặt trời.
3	Công ty TNHH Sản xuất YHCT và Đông dược Thế Gia	Tư vấn đại chúng hóa, đăng ký giao dịch/niêm yết	Sản xuất các sản phẩm đông dược phục vụ nâng cao sức khỏe người dân.

HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Trong năm 2021, Công ty đã cung cấp rất nhiều các khuyến nghị đầu tư thông qua các bản tin phân tích và các báo cáo tư vấn đầu tư. Trong đó, Công ty thường xuyên khuyến nghị Nhà đầu tư ưu tiên đầu tư vào các mã chứng khoán có nền tảng cơ bản tốt như HPG, DGC,...



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2021

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 08/01/2021)
Ông Nguyễn Phú Đông Hà	Chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 08/01/2021)
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 08/01/2021)
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 08/01/2021)
Ông Văn Bá Hưng	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 08/01/2021)
Ông Lê Văn Trung	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 08/01/2021)
Ông Nguyễn Vũ Thành	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 08/01/2021)
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 08/01/2021)
Ông Vũ Nhật Lâm	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 26/7/2021)
Ông Vũ Hồng Sơn	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 26/7/2021) (miễn nhiệm ngày 01/12/2021)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng ban	(bổ nhiệm ngày 09/3/2021)
Ông Nguyễn Ngọc Mân	Trưởng ban	(miễn nhiệm ngày 05/3/2021)
Bà Bùi Thị Ngọc Ly	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 05/3/2021)
Bà Lê Thị Liên	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 05/3/2021)
Bà Giáp Hạnh Phương	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 05/3/2021)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Bạch Quốc Vinh	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 16/02/2022)
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 25/02/2021) (miễn nhiệm ngày 16/02/2022)
Ông Nguyễn Vũ Thành	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 25/02/2021)
Ông Vũ Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 24/06/2021) (miễn nhiệm ngày 28/10/2021)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Đức Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Bạch Quốc Vinh – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Đức Anh ủy quyền ký Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo Giấy ủy quyền số 03/2022/UQ-CTHĐQT/DSC.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bạch Quốc Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 44.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán số 03/2021/BCKT/AUD-DNVVALUES ngày 25/02/2021.



Hoàng Thị Vinh
Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2018-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế



Hoàng Anh Tú
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4413-2020-026-1

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI 31/12/2021 (VND)	TẠI 01/01/2021 (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.799.961.268.398	49.255.173.162
I. Tài sản tài chính	110		1.799.159.906.262	49.255.173.162
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.1	6.894.448.611	42.297.589.254
1.1. Tiền	111.1		6.894.448.611	5.389.589.254
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	36.908.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	4.3.1	279.836.709.150	-
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	4.3.2	1.150.000.000.000	-
4. Các khoản cho vay	114	4.3.3	341.830.395.544	8.741.300.094
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	4.3.4	-	6.854.979.259
6. Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và tài sản thế chấp	116	4.4	(4.392.413.646)	(9.407.319.347)
7. Các khoản phải thu	117	4.5	23.882.596.671	11.934.589
7.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		23.882.596.671	11.934.589
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		2.304.024.662	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		21.578.572.009	11.934.589
8. Trả trước cho người bán	118	4.5	857.819.932	747.441.120
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	4.5	250.000.000	-
10. Các khoản phải thu khác	122	4.5	243.010.092	251.908.285
11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	4.5	(242.660.092)	(242.660.092)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		801.362.136	-
1. Tạm ứng	131	4.5	65.752.010	-
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		131.155.000	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	4.6	535.895.126	-
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		67.000.000	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	137		1.560.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.324.206.911	19.545.011.739
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		526.272.822	14.959.524.394
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	467.703.583	187.591.559
Nguyên giá	222		2.752.893.387	2.363.281.131
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(2.285.189.804)	(2.175.689.572)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	58.569.239	14.771.932.835
Nguyên giá	228		2.010.317.800	16.683.317.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(1.951.748.561)	(1.911.384.965)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		8.797.934.089	4.585.487.345
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		444.420.900	-
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	4.6	3.676.892.087	44.654.436
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	4.9	4.676.621.102	4.540.832.909
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.809.285.475.309	68.800.184.901

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI 31/12/2021 (VND)	TẠI 01/01/2021 (VND)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		777.244.669.799	1.611.705.151
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		773.885.098.093	1.611.705.151
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	4.15	761.835.200.000	-
1.1. Vay ngắn hạn	312		761.835.200.000	-
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	4.10	401.834.800	73.606.621
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.11	628.209.824	95.700.898
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	4.14	3.301.475.271	180.200.475
5. Phải trả người lao động	323		2.015.830.052	369.414.407
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		153.347.180	118.127.180
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	4.12	3.455.602.742	700.441.120
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	4.13	2.082.182.174	3.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		11.416.050	71.214.450
II. Nợ phải trả dài hạn	340		3.359.571.706	-
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	6.5	3.359.571.706	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.032.040.805.510	67.188.479.750
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	1.032.040.805.510	67.188.479.750
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.500.000.000	60.500.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.000.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			1.000.000.000.000	60.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		500.000.000	500.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		138.256.882	138.256.882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		138.256.882	138.256.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		31.264.291.746	6.411.965.986
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.809.285.475.309	68.800.184.901

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2021

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI 31/12/2021 (VND)	TẠI 01/01/2021 (VND)
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		100.000.000	6.000.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK (VND)	008	5.1	22.797.730.000	960.530.000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	012	5.2	11.940.000	747.360.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	021		420.170.410.000	426.348.990.000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		395.378.770.000	411.745.590.000
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2		2.846.000.000	4.384.900.000
<i>c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4		493.640.000	-
<i>d. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	021.5		21.452.000.000	10.218.500.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		938.880.000	992.440.000
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1		938.880.000	992.440.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	5.3	10.607.030.000	6.080.000.000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	5.4	7.360.710.000	690.940.000
5. Tiền gửi của khách hàng	026	5.5	80.156.162.079	58.711.420.643
<i>5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	027		79.597.830.524	58.612.321.272
<i>5.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán</i>	029		558.331.555	99.099.371
<i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		553.808.352	94.442.421
<i>b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài</i>	029.2		4.523.203	4.656.950
6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		80.065.614.579	58.697.965.643
<i>6.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.1		80.061.327.991	58.693.811.910
<i>6.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.2		4.286.588	4.153.733
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	5.6	90.547.500	13.455.000



Đặng Thị Hồng Giang
Người lập
Ngày 21 tháng 3 năm 2022



Đặng Thị Hồng Giang
Kế toán trưởng



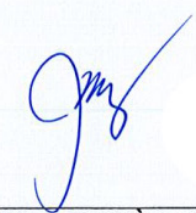



Bạch Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2021 (VND)	NĂM 2020 (VND)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		20.591.576.023	-
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1		1.020.396.360	-
<i>b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	01.2		19.153.928.240	-
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	6.1	417.251.423	-
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	6.1	21.487.012.058	629.460.612
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	6.1	6.176.772.120	314.524.856
1.4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	6.1	67.388	99.100
1.5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		7.073.012.943	3.060.753.671
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	1.500.000.000
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		223.795.231	256.737.771
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		200.000.000	14.545.455
Cộng doanh thu hoạt động	20		55.752.235.763	5.776.121.465
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		2.796.725.900	-
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1		2.780.528.513	-
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2		54.500	-
<i>c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.3		16.142.887	-
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(2.440.559.901)	(513.798.329)
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		1.348.541	-
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	6.2	7.098.743.777	2.370.165.496
2.5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	6.2	-	622.703.389
2.6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	6.2	145.172.393	177.012.604
2.7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		314.255.863	-
Cộng chi phí hoạt động	40	6.2	7.915.686.573	2.656.083.160

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2021 (VND)	NĂM 2020 (VND)
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		390.131.655	394.844.019
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		390.131.655	394.844.019
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
- Trong đó: Chi phí lãi vay	52		5.018.590.495	6.520.548
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	6.3	12.027.443.071	2.935.830.586
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		31.180.647.279	572.531.190
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		403	1.757.717
8.2. Chi phí khác	72		6.636.364	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(6.635.961)	1.757.717
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THU	90		31.174.011.318	574.288.907
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		6.321.685.558	80.386.573
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	6.4	2.962.113.852	80.386.573
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	6.5	3.359.571.706	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		24.852.325.760	493.902.334
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		24.852.325.760	493.902.334
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	4.16.4	598	82
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	4.16.4	598	82

Đặng Thị Hồng Giang
 Người lập
 Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Đặng Thị Hồng Giang
 Kế toán trưởng

Bạch Quốc Vinh
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Chi tiêu	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	6.4	31.174.011.318	574.288.907
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		14.904.989	(737.816.548)
- Khấu hao TSCĐ	03		149.863.828	167.269.628
- Các khoản dự phòng	04		(2.684.359.972)	(513.798.329)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(383.495.291)	(288.816.874)
- Chi phí lãi vay	06		5.236.921.086	6.520.548
- Dự thu tiền lãi	08		(2.304.024.662)	(2.684.259)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		54.500	-
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		54.500	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(19.153.928.240)	-
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(19.153.928.240)	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30			32.160.074.222
- (Giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(259.654.803.182)	-
- (Giảm)/Tăng Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(1.150.000.000.000)	25.000.000.000
- (Giảm) Các khoản cho vay	33		(333.089.095.450)	(3.535.213.011)
- Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		3.496.401.302	-
- (Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(21.566.637.420)	906.981.148
- (Tăng) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(250.000.000)	(16.000.000)
- Giảm các khoản phải thu khác	39		8.898.193	945.000
- (Giảm)/Tăng các tài sản khác	40		(198.467.010)	20.925.000
- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		414.301.615	268.865.119
- (Giảm)/Tăng chi phí trả trước	42		(4.168.132.777)	148.356.072
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43		(313.597.320)	(26.455.676)
- Lãi vay đã trả	44		(2.896.061.079)	(6.520.548)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		750.358.293	10.034.021.005

Chi tiêu	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh (Tiếp)				
- Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		35.220.000	21.680.000
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47		472.758.264	61.406.627
- Tăng/(giảm) phải trả người lao động	48		1.646.415.645	(245.208.333)
- Tăng phải trả, phải nộp khác	50		2.079.182.174	1.372.283
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		123.641.248	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(571.219.300)	(475.080.464)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60			31.996.546.581
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(389.612.256)	(84.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		14.666.363.636	-
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		130.702.214	394.844.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		14.407.453.594	310.344.019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	4.16	940.000.000.000	-
2. Tiền vay gốc	73	4.15	1.523.443.513.656	7.000.000.000
2.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
2.2. Tiền vay khác	73.2		1.523.443.513.656	7.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	4.15	(761.608.313.656)	(7.000.000.000)
3.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
3.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
3.3. Tiền chi trả gốc vay khác	74.3		(761.608.313.656)	(7.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		1.701.835.200.000	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(35.403.140.643)	32.306.890.600
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	4.1	42.297.589.254	9.990.698.654
- Tiền	101.1		5.389.589.254	4.990.698.654
- Các khoản tương đương tiền	101.2		36.908.000.000	5.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	4.1	6.894.448.611	42.297.589.254
- Tiền	103.1		6.894.448.611	5.389.589.254
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	36.908.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		1.721.335.522.700	873.785.531.800
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02			(749.816.703.429)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		748.898.984.536	(83.826.026.655)
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(223.795.231)	(256.737.771)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		21.444.741.436	39.886.063.945
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng				
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		58.711.420.643	18.825.356.698
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		58.612.321.272	2.504.533.214
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34		99.099.371	16.320.823.484
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	5.5	80.156.162.079	58.711.420.643
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		80.156.162.079	58.711.420.643
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		79.597.830.524	58.612.321.272
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		558.331.555	99.099.371



Đặng Thị Hồng Giang
Người lập
Ngày 21 tháng 3 năm 2022



Đặng Thị Hồng Giang
Kê toán trưởng



S.G.P: 29 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
DSC
Bạch Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ DƯ ĐẦU NĂM		SỐ TĂNG/GIẢM				SỐ DƯ CUỐI NĂM	
		Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 01/01/2021	Năm trước		Năm nay		Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2021
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu	4.16	66.694.577.416	67.188.479.750	493.902.334	-	964.852.325.760	-	67.188.479.750	1.032.040.805.510
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.500.000.000	60.500.000.000	-	-	940.000.000.000	-	60.500.000.000	1.000.500.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	940.000.000.000	-	60.000.000.000	1.000.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		500.000.000	500.000.000	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		138.256.882	138.256.882	-	-	-	-	138.256.882	138.256.882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		138.256.882	138.256.882	-	-	-	-	138.256.882	138.256.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối		5.918.063.652	6.411.965.986	493.902.334	-	24.852.325.760	-	6.411.965.986	31.264.291.746
Tổng cộng		66.694.577.416	67.188.479.750	493.902.334	-	964.852.325.760	-	67.188.479.750	1.032.040.805.510
II. Thu nhập toàn diện khác									
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	-	-


 Đặng Thị Hồng Giang
 Người lập
 Ngày 21 tháng 3 năm 2022


 Đặng Thị Hồng Giang
 Kế toán trưởng


 Bạch Quốc Vinh
 Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 29/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2006 và các giấy phép thay đổi bổ sung:

- Giấy phép 131/UBCK-GP ngày 11/6/2008 thay đổi vốn điều lệ và cổ đông sáng lập;
- Giấy phép 175/UBCK-GP ngày 01/12/2008 thay đổi người đại diện pháp luật;
- Giấy phép 204/UBCK-GP ngày 11/3/2009 điều chỉnh nghiệp vụ kinh doanh;
- Giấy phép 06/GPĐC-UBCK ngày 25/01/2011 thay đổi người đại diện theo pháp luật;
- Giấy phép 87/GPĐC-UBCK ngày 30/5/2012 thay đổi vốn điều lệ;
- Giấy phép 48/GPĐC-UBCK ngày 06/10/2017 thay đổi người đại diện pháp luật;
- Giấy phép 38/GPĐC-UBCK ngày 04/6/2021 thay đổi người đại diện pháp luật;
- Giấy phép 53/GPĐC-UBCK ngày 13/7/2021 thay đổi tên và địa chỉ trụ sở chính;
- Giấy phép 74/GPĐC-UBCK ngày 01/09/2021 thay đổi vốn điều lệ;
- Giấy phép 90/GPĐC-UBCK ngày 12/10/2021 bổ sung nghiệp vụ tự doanh và bảo lãnh phát hành.

Vốn điều lệ theo Giấy phép hoạt động là 1.000.000.000.000 VND. Số lượng cổ phiếu là 100.000.000 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 76 người (tại ngày 31/12/2020 là 21 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Tự doanh;
- Môi giới chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC. Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL) (tiếp)

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp)

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

3.6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu hoặc;
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng riêng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

3.7 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ).

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "Kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá;
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS về nguyên tắc được xác định giá theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết trên thị trường, nếu không có giá niêm yết thì được xác định theo các kỹ thuật định giá và áp dụng các phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính có liên quan. Khi đánh giá tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS theo giá trị hợp lý, chênh lệch đánh giá phát sinh so với giá ban đầu được ghi nhận toàn bộ trên Tài khoản "Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý" cho đến khi có sự phân loại lại hoặc khi thanh lý, bán các tài sản tài chính này.

3.8 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất;

3.8 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính (tiếp)

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"), cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

3.9 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- a) Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- b) Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.10 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán. Việc áp dụng này được thực hiện điều chỉnh phi hồi tố các ghi nhận của năm trước.

3.10 Phân loại lại tài sản tài chính (tiếp)

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phát sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập;
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc vốn chủ sở hữu.

3.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí đường truyền;
- Phí thuê bao dữ liệu.

3.13 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Máy móc, thiết bị	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

3.14 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng được trình bày theo nguyên giá và không thực hiện phân bổ khấu hao theo quy định hiện hành.
- Phần mềm máy vi tính
- Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.15 Chi phí phải trả

Phải trả chứng quyền

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giữa giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào “Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL” (chi tiết “Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành”). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào “Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL” (chi tiết “Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành”).

3.15 Chi phí phải trả (tiếp)

Phải trả chứng quyền (tiếp)

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh. Lãi/(lỗ) khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) FVTPL.

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ tức

- Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Phân phối lợi nhuận
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: Các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.18 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2021, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:
- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế (tiếp)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

- Hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;
- Hoạt động khác: Chịu thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.894.448.611	5.389.589.254
Các khoản tương đương tiền	-	36.908.000.000
Cộng	6.894.448.611	42.297.589.254

4.2 Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong năm

	Năm 2021	
	Khối lượng giao dịch thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)
Của Công ty	2.616.072	66.124.269.000
Cổ phiếu	2.616.072	66.124.269.000
Của nhà đầu tư	209.813.995	4.277.863.951.600
Cổ phiếu	209.813.995	4.277.863.951.600
Cộng	212.430.067	4.343.988.220.600

4.3 Các loại tài sản tài chính

4.3.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	58.864.840.619	75.672.709.150	-	-
EIB	55.740.371.360	74.291.650.000	-	-
VAB	2.897.790.000	1.263.596.800	-	-
IFS	222.695.462	112.200.000	-	-
Cổ phiếu khác	3.983.797	5.262.350	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.010.000	-	-	-
CTCP Xây dựng Công trình Giao thông Đà Nẵng	10.010.000	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	204.164.000.000	204.164.000.000	-	-
Cộng	263.038.850.619	279.836.709.150	-	-

4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp)

4.3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000	-	-
Cộng	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000	-	-

4.3.3 Các khoản cho vay

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ký quỹ	303.932.910.247	299.540.496.601	4.845.200.000	73.823.862
Ông Cấn Lương Minh (i)	1.518.200.000	134.962.694	1.518.200.000	22.004.787
Ông Nguyễn Quang Linh (i)	1.220.900.000	124.047.538	1.220.900.000	20.225.142
Ông Tạ Ngọc Anh (i)	1.400.900.000	129.569.322	1.400.900.000	21.125.433
Ông Nguyễn Trung Toàn (i)	705.200.000	64.206.800	705.200.000	10.468.500
Nhà đầu tư khác	299.087.710.247	299.087.710.247	-	-
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	37.897.485.297	37.897.485.297	3.896.100.094	3.896.100.094
Cộng	341.830.395.544	337.437.981.898	8.741.300.094	3.969.923.956

(i) Là những đối tượng vay theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ từ năm 2016. Chứng khoán của các nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ đang được Công ty giữ như là tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư. Giá trị tài sản đảm bảo này tại ngày 31/12/2021 không đủ bù đắp số tiền đã cho vay. Công ty đã nhiều lần liên lạc với khách hàng nhưng không nhận được sự hồi âm và Công ty cũng đã tiến hành các thủ tục pháp lý để nhờ sự can thiệp của các cấp có thẩm quyền đối với những đối tượng trên nhưng không thể thu hồi được các khoản nợ trên. Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản vay này bằng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2021 của các tài sản đảm bảo (cổ phiếu) và nhận định rằng khó có khả năng thu hồi các khoản công nợ trên.

4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp)

4.3.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	-	-	2.891.164.259	1.485.088.990
<i>IFS</i>	-	-	222.695.462	70.840.000
<i>ABB</i>	-	-	1.482.160.000	781.272.000
<i>MSB</i>	-	-	1.182.325.000	629.800.000
Cổ phiếu khác	-	-	3.983.797	3.176.990
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	3.963.815.000	735.420.000
<i>Ngân Hàng Việt Á</i>	-	-	2.897.790.000	705.920.000
<i>Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông</i>	-	-	1.056.015.000	29.500.000
<i>CTCP Xây dựng Công trình Giao thông Đà Nẵng</i>	-	-	10.010.000	-
Cộng	-	-	6.854.979.259	2.220.508.990

Trong năm các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) đã được phân loại sang Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL) như được trình bày tại thuyết minh 4.3.1 ở trên.

4.4 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(4.392.413.646)	(4.771.376.138)
Dự phòng suy giảm giá trị TSTC sẵn sàng để bán	-	(4.635.943.209)
Cộng	(4.392.413.646)	(9.407.319.347)

4.5 Các khoản phải thu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND
1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	23.882.596.671	11.934.589
<i>Trong đó: Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>21.578.572.009</i>	<i>8.970.213</i>
2. Trả trước cho người bán	857.819.932	747.441.120
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty CP Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt</i>	<i>603.361.932</i>	<i>747.441.120</i>
<i>Công ty TNHH Thương hiệu XOLVE</i>	<i>154.000.000</i>	-
<i>Công ty khác</i>	<i>100.458.000</i>	-
3. Các khoản phải thu khác	243.010.092	251.908.285
4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (i)	(242.660.092)	(242.660.092)
5. Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp	250.000.000	-
6. Tạm ứng	65.752.010	-
Cộng	25.056.518.613	768.623.902

(i) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	-	-	2.891.164.259	1.485.088.990
<i>IFS</i>	-	-	222.695.462	70.840.000
<i>ABB</i>	-	-	1.482.160.000	781.272.000
<i>MSB</i>	-	-	1.182.325.000	629.800.000
Cổ phiếu khác	-	-	3.983.797	3.176.990
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	3.963.815.000	735.420.000
<i>Ngân Hàng Việt Á</i>	-	-	2.897.790.000	705.920.000
<i>Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông</i>	-	-	1.056.015.000	29.500.000
<i>CTCP Xây dựng Công trình Giao thông Đà Nẵng</i>	-	-	10.010.000	-
Cộng	-	-	6.854.979.259	2.220.508.990

4.5 Các tài sản tài chính (tiếp)

(i) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 01/01/2021 VND	Số dự phòng tại ngày 01/01/2021 VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số dự phòng tại ngày 31/12/2021 VND	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2021 VND
CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC						
Bà Võ Thị Xuân Trang	23.322.825	23.322.825	-	-	23.322.825	23.322.825
Bà Nguyễn Thị Thủy	219.337.267	219.337.267	-	-	219.337.267	219.337.267
Cộng	242.660.092	242.660.092	-	-	242.660.092	242.660.092

4.6 Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
NGẮN HẠN		
Chi phí đường truyền, thành viên	159.112.116	-
Phí thuê bãi dữ liệu Fiinpro	47.025.000	-
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	61.389.900	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	268.368	-
Cộng	535.895.126	
DÀI HẠN		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	3.676.892.087	44.654.436
Cộng	3.676.892.087	44.654.436

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2021	2.363.281.131	-	2.363.281.131
Mua sắm	213.180.000	176.432.256	389.612.256
Tại ngày 31/12/2021	2.576.461.131	176.432.256	2.752.893.387
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2021	2.175.689.572	-	2.175.689.572
Khấu hao	108.314.531	1.185.701	109.500.232
Tại ngày 31/12/2021	2.284.004.103	1.185.701	2.285.189.804
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	187.591.559	-	187.591.559
Tại ngày 31/12/2021	292.457.028	175.246.555	467.703.583

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá các TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.029.819.231 VND (tại ngày 31/12/2020 là 2.029.819.231 VND).

4.8 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2021	2.010.317.800	-	16.683.317.800
Thanh lý, nhượng bán (i)	-	-	14.673.000.000
Tại ngày 31/12/2021	2.010.317.800	-	2.010.317.800
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2021	1.911.384.965	-	1.911.384.965
Khấu hao	40.363.596	-	40.363.596
Tại ngày 31/12/2021	1.951.748.561	-	1.951.748.561
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	98.932.835	-	14.771.932.835
Tại ngày 31/12/2021	58.569.239	-	58.569.239

(i) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty và Công ty CP Việt Nam Equity, Công ty đồng ý chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất Lô 40-KT 30/3, cụm dân cư tại khu đất Học viện Du lịch miền Trung (cũ) thuộc KDC Bắc Mỹ An, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Giá chuyển nhượng là 14.673.000.000 VND. Đây là tài sản mà Công ty mua năm 2019 với mục đích làm trụ sở văn phòng nhưng do không có nhu cầu sử dụng nên Công ty đã thanh lý để tăng nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính trong điều kiện thị trường chứng khoán đang tăng trưởng mạnh.

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá các TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.808.499.800 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.808.499.800 VND).

4.9 Tiền nộp vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 15 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Tiền nộp ban đầu	4.540.832.909	4.283.333.945
Tiền nộp (hoàn)	(123.641.248)	(28.528.181)
Tiền lãi phân bổ	259.429.441	286.027.145
Cộng	4.676.621.102	4.540.832.909

4.10 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Sở Giao dịch chứng khoán	216.962.358	57.582.497
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	184.872.442	16.024.124
Cộng	401.834.800	73.606.621

4.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty CP Công nghệ Bằng Hữu	261.553.600	-
Công ty TNHH Xây dựng Lâm Phạm	111.793.692	-
Các công ty khác	254.862.532	95.700.898
Cộng	628.209.824	95.700.898

4.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.340.860.007	-
Chi phí phần mềm giao dịch trích trước tạm tính	903.361.932	647.441.120
Trích trước chi phí thuê xe	40.000.000	-
Chi phí phải trả khác	171.380.803	53.000.000
Cộng	3.455.602.742	700.441.120

4.13 Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Equity	1.973.205.075	-
Đối tượng khác	108.977.099	3.000.000
Cộng	2.082.182.174	3.000.000

4.14 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2021		Trong năm		Tại ngày 31/12/2021	
	VND Số dư	Tăng	VND Khấu trừ		VND Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	-	893.727	893.727		-	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.454.545	10.667.073	9.212.528	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	75.005.706	313.597.320	2.962.113.852	-	2.723.522.238
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.783.448	738.023.362	901.863.260	-	165.623.346
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ Nhà đầu tư	-	101.956.776	1.596.653.157	1.907.026.068	-	412.329.687
Cộng	-	180.200.475	2.658.940.912	5.780.215.708	-	3.301.475.271

4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội (i)	-	1.203.443.513.656	491.608.313.656	711.835.200.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Chương Dương	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tây Hồ	-	270.000.000.000	270.000.000.000	-
Cộng	-	1.523.443.513.656	761.608.313.656	761.835.200.000

(i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Hà Nội được thế chấp bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tổng giá trị là 900.000.000.000 VND.

4.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	LNST chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	60.000.000.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	5.918.063.652	66.694.577.416
Lãi trong năm	-	-	-	-	493.902.334	493.902.334
Tại ngày 31/12/2020	60.000.000.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	6.411.965.986	67.188.479.750
Tại ngày 01/01/2021	60.000.000.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	6.411.965.986	67.188.479.750
Góp vốn (i)	940.000.000.000	-	-	-	-	940.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	24.852.325.760	24.852.325.760
Tại ngày 31/12/2021	1.000.000.000.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	31.264.291.746	1.032.040.805.510

(i) Trong năm, Công ty đã hoàn thành chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Công văn số 4445/UBCK-QLKD ngày 09/8/2021 của Ủy ban Chứng khoán và Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 67/2021/CV-DSC ngày 16/8/2021 của Công ty. Theo đó, Công ty phát hành thành công 94.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

4.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ VỐN ĐÃ GÓP			
	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư NTP	700.000.000.000	70,00	-	-
Bà Văn Lê Hằng	100.250.000.000	10,02	-	-
Bà Lê Thị Thu Hằng	49.000.000.000	4,90	-	-
Bà Nguyễn Mai Hậu	47.500.000.000	4,75	-	-
Bà Trần Thị Thu Nga	43.250.000.000	4,33	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	14.999.000.000	1,50	14.999.000.000	25,00
Ông Nguyễn Đức Anh	14.999.000.000	1,50	14.999.000.000	25,00
Ông Tạ Văn Mạnh	15.089.000.000	1,51	14.999.000.000	25,00
Công ty CP Việt Nam Equity Plus	-	-	320.000.000	0,53
Các cổ đông khác	14.913.000.000	1,49	14.683.000.000	24,47
Cộng	1.000.000.000.000	100	60.000.000.000	100

4.16.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.16.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	24.852.325.760	493.902.334
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	41.539.726	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	598	82
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Ghi chú: Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

5.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	22.797.730.000	960.530.000
Cộng	22.797.730.000	960.530.000

5.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Cổ phiếu	11.940.000	747.360.000
Cộng	11.940.000	747.360.000

5.3 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Cổ phiếu và chứng quyền	10.607.030.000	6.080.000.000
Cộng	10.607.030.000	6.080.000.000

5.4 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Cổ phiếu	7.360.710.000	690.940.000
Cộng	7.360.710.000	690.940.000

5.5 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	79.597.830.524	58.612.321.272
- Của Nhà đầu tư trong nước	79.592.589.242	58.589.870.071
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	5.241.282	22.451.201
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	558.331.555	99.099.371
- Của Nhà đầu tư trong nước	553.808.352	94.442.421
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	4.523.203	4.656.950
Cộng	80.156.162.079	58.711.420.643

5.6 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của TCPH	90.547.500	13.455.000
Cộng	90.547.500	13.455.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

6.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính, cho vay và phải thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	417.251.423	-
Từ tài sản tài chính HTM	21.487.012.058	629.460.612
Từ các khoản cho vay và phải thu	6.176.772.120	314.524.856
Từ tài sản tài chính AFS	67.388	99.100
Cộng	28.081.102.989	944.084.568

6.2 Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	7.098.743.777	2.370.165.496
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	622.703.389
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	145.172.393	177.012.604
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	314.255.863	-
Cộng	7.558.172.033	3.169.881.489

6.3 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.747.724.196	1.760.540.069
Chi phí vật liệu văn phòng	99.176.404	464.500
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	96.020.936	1.683.336
Chi phí khấu hao tài sản TSCĐ	108.026.230	91.043.284
Thuế và các khoản lệ phí	89.060.290	5.956.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.617.587	6.990.000
Chi phí khác bằng tiền	3.718.817.428	1.069.152.657
Cộng	12.027.443.071	2.935.830.586

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

6.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động.

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi kế toán trước thuế	31.174.011.318	574.288.907
Điều chỉnh các khoản (giảm) lợi nhuận	(16.790.926.059)	(99.100)
Các khoản chênh lệch vĩnh viễn	6.932.472	(99.100)
Chi phí không được trừ	7.016.260	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(83.788)	(99.100)
Các khoản chênh lệch tạm thời	(16.797.858.531)	-
Chênh lệch từ nghiệp vụ đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(16.797.858.531)	-
Lãi sau điều chỉnh	14.383.085.259	574.189.807
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	14.383.085.259	574.189.807
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	2.876.617.052	114.837.961
Ưu đãi thuế 30% TNDN theo Nghị định 114/NĐ-CP	-	(34.451.388)
Chi phí thuế TNDN từ nghiệp vụ bán tài sản tài chính hộ VEQ	85.496.800	-
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	2.962.113.852	80.386.573
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	75.005.706	21.074.809
Thuế TNDN đã trả trong năm	(313.597.320)	(26.455.676)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.723.522.238	75.005.706
Trong đó:		
Thuế TNDN (phải thu) cuối năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	2.723.522.238	75.005.706

6.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

KHOẢN MỤC	Tại ngày 31/12/2021 VND	Bảng cân đối kế toán		
		Tại ngày 01/01/2021 VND	Báo cáo kết quả kinh doanh	
			Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.359.571.706	-		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế - Chênh lệch từ nghiệp vụ đánh giá lại TSTC FVTPL	3.359.571.706	-	3.359.571.706	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			3.359.571.706	-

THÔNG TIN KHÁC**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty như sau:

Tên bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư NTP	Công ty mẹ
Bà Văn Lê Hằng	Cổ đông lớn, sở hữu trên 10% vốn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty	

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Góp vốn

	Năm 2021
	VND
Công ty CP Đầu tư NTP	700.000.000.000
Bà Văn Lê Hằng	100.250.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.029.029.509	576.235.900
Cộng	2.029.029.509	576.235.900

Công ty không chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2021 cho các thành viên liên quan.

Giao dịch khác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Nguyễn Thị Thu Hà		
<i>Tạm ứng</i>	40.000.000.000	-
<i>Hoàn ứng</i>	(40.000.000.000)	-
Nguyễn Phú Đông Hà		
<i>Tạm ứng</i>		62.727.000.000
<i>Hoàn ứng</i>		(62.727.000.000)

7.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động tự doanh VND	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động khác (i) VND	Tổng cộng VND
NĂM 2021					
1. Doanh thu	20.591.576.023	7.073.012.943	223.795.231	27.863.851.566	55.752.235.763
2. Các chi phí trực tiếp	2.798.074.441	7.098.734.777	145.172.393	(2.126.304.038)	7.915.686.573
3. Khấu hao và cá chi phí không phân bổ					17.052.669.930
4. Thu nhập khác không phân bổ					390.132.058
Lợi nhuận trước thuế	17.793.501.582	(25.730.834)	78.622.838	2.990.155.604	31.174.011.318
Số dư tại 31/12/2021					
1. Tài sản bộ phận	279.836.709.150	4.676.621.102	-	1.512.428.748.501	1.796.942.078.753
2. Tài sản không phân bổ					12.343.396.556
Tổng Tài sản	279.836.709.150	4.676.621.102	-	1.512.428.748.501	1.809.285.475.309
Nợ phải trả tại 31/12/2021					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	412.329.687	-	-	412.329.687
2. Nợ phải trả không phân bổ					776.832.340.112
Tổng nợ phải trả	-	412.329.687	-	-	777.244.669.799
NĂM 2020					
1. Doanh thu	-	3.060.753.671	256.737.771	2.458.630.023	5.776.121.465
2. Các chi phí trực tiếp	-	2.370.165.496	177.012.604	108.905.060	2.656.083.160
3. Khấu hao và cá chi phí không phân bổ					2.942.351.134
4. Thu nhập khác không phân bổ					396.601.736
Lợi nhuận trước thuế	-	690.588.175	79.725.167	2.349.724.963	574.288.907

(i) Hoạt động khác bao gồm hoạt động đầu tư vào tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn, cho vay và hoạt động tư vấn tài chính.

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Căn cứ vào nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQT/DSC ngày 16/02/2022, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định bổ nhiệm ông Bạch Quốc Vinh làm Tổng Giám đốc và miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Bích Hà tương ứng. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 16/02/2022.

Ngoài sự kiện trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

7.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.


Đặng Thị Hồng Giang
Người lập
Ngày 21 tháng 3 năm 2022


Đặng Thị Hồng Giang
Kế toán trưởng



Bạch Quốc Vinh
Tổng Giám đốc





MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Miền Bắc

Hội sở

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Hotline: (024) 3880 3456

Fax: (024) 3783 2189

Email: info@dsc.com.vn

Miền Trung

Chi nhánh Đà Nẵng

157 Đống Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Hotline: (023) 6388 8456

Fax: (023) 6388 8459

Ghé thăm chúng tôi tại

Website



Facebook



LinkedIn



